

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
Trụ sở: Thị trấn Hát Lót,
huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Thời gian tổ chức: Từ 7h00 đến 12h00 ngày 25 tháng 9 năm 2018.

Địa điểm tổ chức : Trụ sở Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.

Thời gian	Nội dung:
7h00 - 8h00	- Đón tiếp cổ đông
	- Phát tài liệu, phiếu bầu cử, phiếu biểu quyết.
	- Kiểm tra tư cách cổ đông.
	- Báo cáo kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành Đại hội.
8h00 - 8h20	- Chào cờ; Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. - Thông qua chương trình Đại hội. - Thông qua Nội quy làm việc của Đại hội. - Giới thiệu Chủ tọa đoàn lên điều hành Đại hội.
	Chủ tọa đoàn giới thiệu: - Thành phần Đoàn chủ tọa; - Thư ký Đại hội; Ban kiểm phiếu.
	- Tuyên bố khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
8h20 - 9h30	- Báo cáo tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2017-2018 từ (01/07/2017 đến hết 30/6/2018); Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018-2019.
	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017-2018 và tổng kết nhiệm kỳ 2013-2018; Định hướng hoạt động năm 2018-2019;
	- Báo cáo của Hội đồng quản trị về thực hiện các Dự án đầu tư
	- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017-2018, nhiệm kỳ 2013-2018 và Chương trình hoạt động năm 2018-2019;
9h30 - 10h00	Trình Đại hội các tờ trình. 1. Báo cáo tài chính năm 2017-2018 (Bản tóm tắt) đã được Kiểm toán; 2. Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2017-2018; 3. Quyết toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2017-2018; Chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2018-2019. 4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2018-2019; 5. Kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán năm tài chính 2018- 2019.



Thời gian	Nội dung:
	<p>6. Tờ trình thông qua việc sửa đổi và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo Điều lệ mẫu quy định tại (Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ);</p> <p>7. Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty (quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ).</p> <p>8. Tờ trình mãn nhiệm kỳ của HĐQT, BKS và thông qua danh sách ứng viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ III giai đoạn 2018-2023.</p>
10h00 - 10h30	<p>Đại hội thông qua tờ trình mãn nhiệm kỳ và tiến hành các thủ tục bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ III (2013-2018)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tờ trình mãn nhiệm kỳ - Thông qua Ban kiểm phiếu bầu cử; - Thông qua Quy chế bầu cử và hướng dẫn phiếu bầu cử; - Tiến hành bầu cử.
10h30 - 10h45	Nghỉ giải lao.
10h45 - 11h30	- Đại hội thảo luận và giải trình các ý kiến
	- Đại hội biểu quyết thông qua các Báo cáo và tờ trình Đại hội
11h30 - 11h45	- Công bố kết quả bầu cử TV.HĐQT, BKS;
	- Các TV.HĐQT, BKS mới ra mắt Đại hội;
11h45 - 12h00	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội;
	- Tuyên bố bế mạc Đại hội.





Mai Sơn, ngày 25 tháng 9 năm 2018

NỘI QUY LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Nội quy này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người tham dự Đại hội và các bên tham gia Đại hội; Quy định về điều kiện và thủ tục tiến hành Đại hội, thể thức biểu quyết công khai.

Điều 1. Nguyên tắc làm việc của Đại hội

1. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ.
2. Vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

1. Các cổ đông có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội (28/8/2018) có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử đến Hội đồng quản trị chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội.

Điều 3. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự, trang nhã.
2. Cổ đông khi tham dự ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định.
3. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội.
4. Người tham dự đại hội phải giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép ghi âm, quay phim, chụp ảnh đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được chủ tọa Đại hội cho phép.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.

2. Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội mang theo chứng minh nhân dân (bản chính hoặc bản sao công chứng) hoặc hộ chiếu, thư mời họp, giấy ủy quyền hợp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự họp) cho Ban kiểm tra điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông đối chiếu và được nhận thẻ biểu quyết công khai.
3. Có quyền phát biểu trực tiếp tại hội trường hoặc ghi ý kiến vào phiếu ghi ý kiến đóng góp và gửi cho Ban tổ chức Đại hội giải quyết, ý kiến đóng góp bằng văn bản có giá trị như ý kiến phát biểu trực tiếp tại Đại hội. Khi có nhu cầu phát biểu trực tiếp tại Hội trường, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền phải đăng ký với Đoàn chủ tọa Đại hội, chỉ khi được Chủ tọa Đại hội nhất trí mới được phát biểu. Nội dung phát biểu cần ngắn, gọn, tránh trùng lặp và đúng trọng tâm phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội được thông qua, thời gian phát biểu của mỗi cổ đông không quá 5 phút. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.
4. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền có nghĩa vụ đến họp đúng giờ, trong trường hợp đến họp muộn vẫn được tham dự và tham gia biểu quyết ngay nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.
5. Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa đoàn và Ban tổ chức Đại hội, không gây rối hoặc gây mất trật tự trong Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm tra điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên do Ban kiểm soát Công ty thực hiện, có trách nhiệm:
 - a. Kiểm tra điều kiện tham dự Đại hội của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp, kiểm tra tỉ lệ cổ đông dự Đại hội.
 - b. Phát thẻ biểu quyết, phiếu bầu và tài liệu cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
 - c. Báo cáo kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành tham dự Đại hội.
2. Ban kiểm tra Điều kiện tiến hành họp Đại hội cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu và bầu cử

1. Ban kiểm phiếu và bầu cử có 3 người do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua và có trách nhiệm:
 - a. Thông báo thể thức biểu quyết công khai và bỏ phiếu bầu cử bổ sung TV.HĐQT, TV.BKS tại Đại hội.

- b. Chuẩn bị phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử tại Đại hội;
 - c. Hướng dẫn cách sử dụng thẻ biểu quyết công khai và phiếu bầu;
 - d. Tiến hành kiểm đếm thẻ biểu quyết công khai, kiểm phiếu bầu và tổng hợp, công bố kết quả biểu quyết, bỏ phiếu của từng vấn đề xin ý kiến của Đại hội.
2. Chủ tọa thành lập bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu và bầu cử để hoàn thiện nhiệm vụ của mình.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa đoàn và thư ký Đại hội

- 1. Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa đoàn để điều khiển Đại hội.
- 2. Quyền và nghĩa vụ Chủ tọa.
 - a. Điều khiển Đại hội đúng theo chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội đồng thông qua.
 - b. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
 - c. Có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - i). Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
 - ii). Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - d. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.
 - e. Quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 3. Ban thư ký có trách nhiệm:
 - a. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội.
 - b. Tiếp nhận chuyên cho chủ tọa đoàn phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông.
 - c. Soạn thảo biên bản cuộc họp và nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
 - d. Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa đoàn.

Điều 8. Trình tự tiến hành Đại hội

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Cách thức tiến hành Đại hội:
 - a. Đại hội thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành, ngoại trừ các vấn đề quy định tại điểm c và d dưới đây.
 - c. Đối với các vấn đề sau phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - d. Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT, TV.BKS phải được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu bầu trực tiếp tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Công ty.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Các nội dung tại cuộc họp phải được ban thư ký ghi vào biên bản. Biên bản được lập và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ theo quy định.
4. Để đảm bảo tỉ lệ phiếu bầu, trong quá trình diễn ra đại hội, cổ đông hạn chế ra ngoài, trong trường hợp cổ đông có nhu cầu ra ngoài thì phải thực hiện thủ tục ủy quyền cho Chủ tọa đoàn hoặc một trong những người có tên trong danh sách người nhận ủy quyền để thay mặt cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội, trong trường hợp không thực hiện ủy quyền thì coi như cổ đông mặc nhiên đồng ý với các vấn đề xin ý kiến tại Đại hội.



Điều 9. Biểu quyết thông qua các vấn đề của Đại hội

1. Tất cả các vấn đề chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả các cổ đông bằng phiếu biểu quyết, trừ các vấn đề được thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội sẽ được cấp phiếu biểu quyết tương ứng số cổ phần được quyền biểu quyết. Phiếu biểu quyết ghi thông tin về cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết.
2. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ phiếu biểu quyết công khai.
3. Đại hội thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách xác định số phiếu biểu quyết tán thành, sau đó xác định số phiếu biểu quyết không tán thành cuối cùng xác định số phiếu biểu quyết không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
4. Trường hợp cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị, Trường ban kiểm phiếu của Đại hội sẽ mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Điều 10. Bầu Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.

1. Nguyên tắc bầu cử: Bầu cử trực tiếp bỏ phiếu kín.
2. Phương thức bầu cử và các nội dung khác được thể hiện trong Quy chế bầu cử HĐQT, Ban kiểm soát./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐOÀN**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc: Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty cổ phần Mía đường Sơn La

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ, hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần mía đường Sơn La;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn La,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: TCHC; HSPL.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đặng Việt Anh

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**

*((Ban hành theo Quyết định số/QĐ-HĐQT/2018, ngày 18 tháng 9 năm 2018
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn La).))*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I : QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	5
Điều 2. Đối tượng áp dụng	5
Điều 3. Mục đích ban hành quy chế	5
Điều 4. Giải thích thuật ngữ	6
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Điều 5. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ	6
Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ	7
Điều 7. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ	8
Điều 8. Cách thức kiểm phiếu	8
Điều 9. Thông báo kết quả kiểm phiếu	9
Điều 10. Cách thức phân đối nghị quyết của ĐHĐCĐ	9
Điều 11. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ	9
Điều 12. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ	11
Điều 13. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	11
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 14. Thành phần HĐQT	12
Điều 15. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	12
Điều 16. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Thành viên HĐQT	12
Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	13
Điều 18. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	13
Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng viên Thành viên HĐQT	13
CHƯƠNG IV : TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT	14
Điều 20. Cuộc họp HĐQT	14
Điều 21. Thông báo họp HĐQT	14
Điều 22. Điều kiện tổ chức họp HĐQT & cách thức biểu quyết trong cuộc họp HĐQT	14
Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT	15
Điều 24. Thông báo Nghị quyết HĐQT	15
CHƯƠNG V. KIỂM SOÁT VIÊN	16
Điều 25. Cơ cấu, thành phần của Ban kiểm soát	16
Điều 26. Tiêu chuẩn kiểm soát viên	16

Điều27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên ...	16
Điều28. Cách thức bầu Kiểm soát viên	16
Điều29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	16
Điều30. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	16
CHƯƠNGVI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT.....	17
Điều31. Các Tiểu ban thuộc HĐQT	17
Điều32. Nguyên tắc hoạt động của các Tiểu ban	17
CHƯƠNGVII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....	17
Điều33. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	17
Điều34. Tổng Giám đốc	17
Điều35. Việc bổ nhiệm người điều hành Công ty khác	18
Điều36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành Công ty	18
Điều37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành Công ty	18
Điều38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty	19
CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TÓNG GIÁM ĐỐC	19
Điều39. Phối hợp giữa HĐQT, Ban kiểm soát.....	19
Điều40. Phối hợp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc.....	20
Điều41. Việc tiếp cận thông tin.....	20
Điều42. Phối hợp giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	21
Điều43. Phối hợp giữa Tổng Giám đốc điều hành và HĐQT, Ban kiểm soát	21
CHƯƠNG IX:ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, TÓNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	22
Điều44. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban TGD và Người điều hành khác	22
Điều45. Tiêu chí đánh giá hoạt động	22
Điều46. Xếp loại đánh giá	22
Điều47. Khen thưởng, xử lý vi phạm và kỷ luật	23
CHƯƠNG X : NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	23
Điều48. Thư ký Công ty làm nhiệm vụ phụ trách quản trị Công ty.....	23
CHƯƠNG XI : BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	24
Điều49. Nghĩa vụ công bố thông tin	24
Điều50. Công bố thông tin về quản trị công ty	24
Điều51. Tổ chức công bố thông tin	24
CHƯƠNG XII: SỬA ĐỔI QUY CHẾ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	25
Điều52. Sửa đổi quy chế nội bộ về Quản trị công ty	25
Điều53. Ngày hiệu lực thi hành	25

PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật số số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ, hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần mía đường Sơn La;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Sơn La ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị công ty như sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị công ty đối với Công ty cổ phần mía đường Sơn La, bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Tổng Giám đốc và Các cán bộ quản lý khác;
- e) Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- f) Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác;
- g) Người phụ trách quản trị công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cổ đông Công ty cổ phần mía đường Sơn La và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
3. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty cổ phần mía đường Sơn La.

Điều 3. Mục đích ban hành quy chế

Quy chế này là hệ thống các nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty nhằm tuân thủ các qui định của Nhà nước đồng thời đảm bảo:

1. Cơ cấu quản trị hợp lý và hiệu quả;
2. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
3. Đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty.
4. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
5. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
6. Công khai minh bạch các hoạt động của công ty.

Điều 4. Giải thích thuật ngữ

1. Trong quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” là Công ty Cổ phần mía đường Sơn La.
 - b. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Công ty.
 - c. “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công ty.
 - d. “BKS” là Ban kiểm soát Công ty.
 - e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - f. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
 - g. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại Khoản 9, Điều 6, Luật chứng khoán.
 - h. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.
 - i. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;
 - j. “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng đến nội dung Quy chế này.

CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

ĐHĐCĐ thường niên hoặc ĐHĐCĐ bất thường được tổ chức theo các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trình tự, thủ tục triệu tập các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường phải được thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật áp dụng cho các Công ty niêm yết.

1. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách các cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Công ty thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Đồng thời, báo cáo và nộp tài liệu liên quan ngày đăng ký cuối cùng tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười ngày (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự ĐHĐCĐ theo cách thức sau: Gửi giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ (theo mẫu đính kèm trong Thông báo mời họp hoặc lấy trên website của Công ty) thông qua các hình thức thư điện tử hoặc fax hoặc gửi qua đường bưu điện trong thời

hạn được nêu tại thông báo mời họp.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự ĐHĐCĐ thì có thể ủy quyền cho người khác tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty (đính kèm trong thông báo mời họp hoặc lấy trên website của Công ty).

Người được ủy quyền dự họp phải nộp văn bản ủy quyền (bản gốc) cho Công ty trước khi vào tham dự họp ĐHĐCĐ.

3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp đã có mặt đăng ký hết. Khi đăng ký cổ đông phải xuất trình giấy tờ chứng minh tư cách cổ đông tham dự đại hội (theo Thông báo mời họp hoặc lấy trên website của Công ty).

4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

2. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Để tạo thuận lợi cho cổ đông, Công ty có thể sử dụng các chương trình, phần mềm máy tính, dịch vụ công nghệ thông tin trong việc biểu quyết. Việc thực hiện sẽ được Công ty hướng dẫn cụ thể khi áp dụng các hình thức này.

Điều 8. Cách thức kiểm phiếu

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
- d. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 và Điều 28, Quy chế này.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. ĐHĐCĐ bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp để thực hiện việc kiểm phiếu.

Điều 9. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

1. Ban kiểm phiếu sẽ tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến và báo cáo kết quả kiểm phiếu cho Chủ tọa để công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Kết quả kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và có đầy đủ chữ ký xác nhận của các thành viên ban kiểm phiếu.

Điều 10. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy chế này.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 11. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 12. Công bố nghị quyết của ĐHĐCĐ

Công ty có trách nhiệm công bố nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 13. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện tương tự Điều 2, Điều 5, Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội

đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 18, Điều lệ công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư : Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi

phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24h) giờ và/hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG III THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Thành phần HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT từ ba (03) người đến mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên HĐQT trong từng thời kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT.

2. HĐQT lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một người làm Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ thường niên. Kể từ ngày 01/8/2020, Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc công ty.

Điều 15. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. Kể từ ngày 01/8/2019 thành viên Hội đồng quản trị của công ty không

được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 16. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

1. Cách thức đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa (07) ứng viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa (08) ứng viên.

b). Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

2. Cách thức bầu thành viên HĐQT:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Có đơn từ chức (bản gốc hoặc gửi qua fax hoặc email);
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 18. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Cuộc họp Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ hoặc họp bất thường theo quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

4. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Thư ký HĐQT và các bên có liên quan chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng Quản trị và đại biểu được mời họp.

Điều 21. Thông báo họp HĐQT

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối

này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 22. Điều kiện tổ chức họp HĐQT và cách thức biểu quyết trong cuộc họp HĐQT

1. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

2. Cách thức biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

3. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

a. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành (trên 50%) của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT

Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng và đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc Thư ký Công ty ghi biên bản họp. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 24. Thông báo Nghị quyết HĐQT

Nghị quyết của HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG V KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 25. Cơ cấu, thành phần của BKS

Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 26. Tiêu chuẩn kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên: Thực hiện tương tự khoản 1, Điều 16, Quy chế này.

Điều 28. Cách thức bầu kiểm soát viên:

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức (bản gốc hoặc gửi qua fax hoặc email);

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 30. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VI CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Điều 31. Các Tiểu ban của HĐQT

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 32. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 33. Các Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.

2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức và phải có các tiêu chuẩn sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong điều hành kinh doanh của Công ty hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

Điều 34. Tổng Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo các quy chế quản lý nội bộ Công ty do HĐQT ban hành;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Vào tháng năm (05) hàng năm, Tổng Giám đốc Điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với

Công ty.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi HĐQT có yêu cầu.

5. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành Công ty khác

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành Công ty

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành Công ty theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành Công ty

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.
- d. Theo Quyết định của Hội đồng quản trị.
- e. Các trường hợp khác theo quy định của Hợp đồng lao động, Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VIII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Phối hợp giữa HĐQT, Ban kiểm soát

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS.
 - a. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát.
 - b. Thành viên của Hội đồng quản trị phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
 - c. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
 - d. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (cùng với thời điểm gửi Tổng

giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

e. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.

2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối với HĐQT

a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động của Công ty, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHCĐ;

b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;

c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHCĐ gần nhất;

d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHCĐ và báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 3 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 3 ngày làm việc.

Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc

1. HĐQT tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHCĐ.

3. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT theo định kỳ các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công

ty cung cấp ngay các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT căn cứ nội dung họp để quyết định mời Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc hoặc người quản lý các đơn vị trực thuộc có liên quan tham dự họp để báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu cần).

6. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban điều hành và người quản lý Công ty phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

7. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

8. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Điều 41. Việc tiếp cận thông tin

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;

b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;

c. Báo cáo của Tổng giám đốc;

d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;

e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;

f. Tài liệu khác liên quan.

Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc

a. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;

b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác điều hành Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

c. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 24 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

f. Các nội dung khác cần có ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 3 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 3 ngày làm việc.

Điều 43. Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.

1. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 3 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

4. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 3 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 3 ngày.

CHƯƠNG IX

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 44. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, kiểm soát viên, thành viên Ban TGD và Người điều hành khác

1. Việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Ban TGD và Người điều hành khác thực hiện theo quy định của Công ty và theo một, một vài hoặc tất cả phương thức sau:

- a. Tự nhận xét đánh giá;
- b. Đánh giá hoạt động theo định kỳ 06 tháng;
- c. Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào cuối năm;
- d. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;
- e. Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.

2. ĐHĐCĐ đánh giá hoạt động chung của HĐQT, BKS và từng thành viên

HDQT, BKS.

3. HDQT đánh giá hoạt động của các thành viên HDQT và các chức danh do HDQT bổ nhiệm.

4. BKS đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên.

5. TGD đánh giá hoạt động của các thành viên Ban giám đốc, người điều hành khác và các chức danh do TGD bổ nhiệm.

Điều 45. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên HDQT, kiểm soát viên, thành viên Ban TGD, người điều hành và các chức danh khác, bao gồm:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của Đơn vị.

2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Công ty, nội quy Công ty và pháp luật.

3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm.

4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

5. Đoàn kết, phối hợp trong Đơn vị, giữa các Đơn vị trong Công ty và mức độ tin nhiệm với nhân viên.

Điều 46. Xếp loại đánh giá

Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên HDQT, Ban TGD và Người điều hành khác được phân loại:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

2. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 47. Khen thưởng, xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Khen thưởng:

a Các thành viên HDQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban TGD và Người điều hành khác có thành tích trong công việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được cấp có thẩm quyền xem xét khen thưởng theo quy định của Công ty.

b. Các hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế thi đua, khen thưởng của Công ty tại từng thời điểm.

2. Xử lý vi phạm và kỷ luật:

a Các thành viên HDQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban TGD, Người điều hành và các chức danh khác, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao mà vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của Công ty thì tùy tính chất mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc các hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty (truy cứu trách nhiệm hình sự, bãi nhiệm,

cách chức ...).

b. Xử lý kỷ luật: ĐHĐCĐ có thẩm quyền quyết định đối với các thành viên HĐQT, BKS: ĐHĐCĐ sẽ tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm khi cần thiết, các thành viên được đánh giá là không hoàn thành nhiệm vụ sẽ bị bãi nhiệm và ĐHĐCĐ có trách nhiệm bầu các thành viên khác thay thế. HĐQT có thẩm quyền quyết định đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. TGD có thẩm quyền quyết định đối với các chức danh do TGD bổ nhiệm.

c. Nguyên tắc xử lý, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo nội quy lao động và các quy định khác có liên quan của Công ty và của pháp luật.

CHƯƠNG X NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 48. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty thực hiện theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG XI BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và cho công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 50: Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ và công bố thông tin tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Điều 51: Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:

- a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định hiện hành.
- b. Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin

2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là Thư ký công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm

3. Cán bộ chuyên trách về công bố thông tin phải là người:

- a. Có kỹ năng nhất định về tin học;
- b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
- c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;

d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

CHƯƠNG XII SỬA ĐỔI QUY CHẾ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 52. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do ĐHĐCĐ xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 53. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 12 chương 53 điều, được ĐHĐCĐ thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2018.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị./.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Đặng Việt Anh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mai Sơn, ngày 25 tháng 9 năm 2018

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Mía đường Sơn La;
- Căn cứ Thông báo số 87/TB-HĐQT/2018 ngày 30/8/2018 của Hội đồng quản trị Công ty CP Mía đường Sơn La về việc Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Vào hồigiờ... phút ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Công ty CP Mía đường Sơn La, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đã được tổ chức.

PHẦN I
KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Bà Nguyễn Thị Thủy - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, cụ thể như sau:

- Tổng số cổ đông chốt đến ngày đăng ký cuối cùng 28/8/2018 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp là 415 cổ đông, sở hữu 9.791.945 cổ phần.
- Đến thời điểm giờ phút ngày 25 tháng 9 năm 2018, Tổng số cổ đông được triệu tập 415 cổ đông. Tổng số cổ đông chính thức tham dự đại hội cổ đông, trong đó: Số cổ đông trực tiếp dự đại hội là cổ đông, Số cổ đông ủy quyền tham dự đại hội là cổ đông. Đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết dự họpCP/9.791.945 CP. Đạt tỷ lệ%/vốn cổ phần.

Đối chiếu với quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đủ điều kiện tiến hành tổ chức Đại hội.

2. Ông Đặng Tuấn Thắng - Trưởng ban tổ chức thay mặt Ban tổ chức Đại hội tiến hành các thủ tục: Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; Thông qua chương trình Đại hội; Giới thiệu chủ tọa đoàn và thông qua nội quy làm việc của Đại hội.

3. Chủ tịch Đoàn giới thiệu:

- Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội gồm:

- + Ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch đoàn
- + Ông Trần Ngọc Hiếu - Phó chủ tịch HĐQT - Ủy viên
- + Bà Trần Thị Nhi - Thành viên HĐQT - Ủy viên

- Ban thư ký Đại hội

- + Bà Phan Thị Hồng Duyên - Thư ký Công ty - Trưởng ban.
- + Bà Trần Thị Liên - PGĐXN Nguyễn Liệu - Thành viên.

- Ban kiểm phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử gồm:

- + Ông Đặng Lâm Hùng - Giám đốc XN KD Nông sản - Trưởng Ban.
- + Bà Nguyễn Thị Hạnh Lê - NV phòng KHKD - Thành viên.
- + Bà Nguyễn Thị Hiên - Thống kê XN Nguyễn Liệu - Thành viên.

4. Ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch đoàn khai mạc Đại hội.

PHẦN II

NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI

I. Ông Trần Ngọc Hiếu - Tổng Giám đốc Công ty thay mặt Ban Giám đốc điều hành báo cáo:

1. Kết quả sản xuất niên vụ 2017-2018:

- Mía nguyên liệu: Tổng diện tích mía 7.865 ha; Tổng sản lượng mía đưa vào chế biến 505.193 tấn.
- Sản phẩm đường: Tổng sản lượng đường nhập kho 62.937 tấn; Tổng sản lượng rỉ mật nhập kho 24.393 tấn.

2. Báo cáo về công tác lao động tiền lương và chăm lo đời sống cho người lao động; Công tác thi đua khen thưởng.

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017-2018 (Báo cáo tài chính năm 2017-2018 đã được kiểm toán): Tổng doanh thu 600.726.878.201 đồng, Tổng chi phí 484,792,486,980 đồng; Lợi nhuận trước thuế 115,934,391,221 đồng; Lợi nhuận sau thuế TNDN 115,934,391,221 đồng.

4. Kế hoạch kinh doanh niên vụ 2018-2019

Tổng doanh thu 900,653 triệu đồng; Tổng chi phí: 880,553 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế TNDN 20,100 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế 20,100 triệu đồng;

II. Ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT Báo cáo tình hình nhân sự; kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017-2018 và tổng kết nhiệm kỳ 2013-2018; Định hướng hoạt động năm 2018-2019 và nhiệm kỳ 2018-2023.

III. Ông Trần Ngọc Hiếu – Phó Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo về tình hình thực hiện các Dự án đầu tư từ năm 2016 đến nay.

IV. Bà Nguyễn Thị Thủy - Trưởng Ban KS: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017-2018, nhiệm kỳ 2013-2018 và Chương trình hoạt động năm 2018-2019; Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2017-2018 của Công ty; Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông; Kế hoạch hoạt động năm 2018-2018 của Ban kiểm soát và một số kiến nghị.

V. Bà Trần Thị Nhi – TV.HĐQT thay mặt Hội đồng quản trị đọc các nội dung trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua, gồm:

1. Báo cáo tài chính năm 2017-2018 (bản tóm tắt) đã được kiểm toán.

- Tổng doanh thu	: 600,726,878,201 đồng.
- Tổng chi phí	: 484,792,486,980 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN	: 115,934,391,221 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	: 115,934,391,221 đồng.
- Lãi cơ bản/cổ phiếu	: 13,531 đồng.

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017-2018.

- Lợi nhuận sau thuế các năm trước để lại	: 207,929,974,266 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017-2018	: 115,934,391,221 đồng.

*** Tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 30/6/2018: 323,864,365,487 đồng.**

*** Phân phối lợi nhuận năm 2017-2018: 37,375,835,000 đồng**

- Tổng trích lập các quỹ năm 2017 – 2018	: 8,000,000,000 đồng
+ Quỹ phúc lợi.	: 2,000,000,000 đồng
+ Quỹ khen thưởng	: 5,000,000,000 đồng
+ Quỹ khen thưởng quản lý, điều hành.	: 1,000,000,000 đồng
- Chi trả cổ tức năm 2017-2018 (30%/VĐL)	: 29,375,835,000 đồng

*** Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối chuyển qua năm sau: 286,488,530,487 đồng.**

3. Quyết toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2017-2018 và thù lao của HĐQT, BKS năm 2018-2019, cụ thể:

3.1. Quyết toán chi phí hoạt động và thù lao HĐQT, BKS năm 2017 – 2018: 949.805.969 đồng (Chín trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm linh năm ngàn, chín trăm sáu mươi chín đồng).

Trong đó:

- Chi phí thù lao của HĐQT, BKS : 844.133.333 đồng.
- Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS: 105.672.636 đồng.

3.2. Dự toán chi phí hoạt động và thù lao HĐQT, BKS năm 2018 - 2019 là 1.852.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm năm mươi hai triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát dự kiến khoảng 01 tỷ đồng.

- Thù lao của HĐQT, BKS và thư ký Công ty: 852 triệu đồng. Mức thù lao hàng tháng của HĐQT, BKS và thư ký Công ty, cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15 triệu đồng/tháng.
- Phó chủ tịch Hội đồng quản trị : 12 triệu đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng quản trị : 08 triệu đồng/người/tháng.
- Trưởng Ban kiểm soát : 08 triệu đồng/tháng.
- Thành viên Ban Kiểm soát : 04 triệu đồng/người/tháng.
- Thư ký Công ty : 04 triệu đồng/tháng.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2018-2019 (từ 01/07/2017 đến 30/6/2018):

- Tổng doanh thu : 900,653 triệu đồng
- Tổng chi phí : 880,553 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 20,100 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 20,100 triệu đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức : 10%/VĐL

5. Kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018-2019 (Từ ngày 01/07/2018 đến hết ngày 30/6/2019) đảm bảo các điều kiện được quy định như sau:

- Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết được công bố hàng năm.

- Công ty kiểm toán trong nước và quốc tế có uy tín, khả năng, kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

6. Sửa đổi và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo Điều lệ mẫu quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ;

7. Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ

8. Tờ trình mãn nhiệm kỳ của HĐQT, BKS và thông qua danh sách ứng viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ III giai đoạn 2018-2023.

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ II giai đoạn 2013-2018 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua với nhiệm kỳ 5 năm đến nay đã hết nhiệm kỳ.

Nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp về số lượng thành viên HĐQT và BKS theo quy định của Điều lệ Công ty; Ban Tổ chức Đại hội đã gửi quy định tham gia đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT, BKS kèm theo Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

Đến thời điểm tổ chức Đại hội, Ban Tổ chức đã nhận được đơn đề cử, ứng cử đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn quy định thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bao gồm các ứng viên như sau:

1). Đơn đề cử của cổ đông nắm giữ% vốn điều lệ trong thời hạn tối thiểu 6 tháng; Theo đó, đề cử Ông/bà để bầu vào Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 và đề cử Ông/bà để bầu bổ sung vào Thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023.

2). Đơn đề cử của cổ đông nắm giữ% vốn điều lệ trong thời hạn tối thiểu 6 tháng; Theo đó, đề cử Ông/bà.... để bầu vào Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 và đề cử Ông/bà để bầu bổ sung vào Thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023.

3).

.....

(Đơn đề cử và trích ngang lý lịch của các cá nhân được đề cử kèm theo).

VI. Đại hội thông qua Tờ trình mãn nhiệm kỳ của HĐQT, BKS và thông qua danh sách ứng viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ III giai đoạn 2018-2023.

Đại hội đã thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP); Không đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP)

VII. Ông Đặng Lâm Hùng – Trưởng ban kiểm phiếu thông qua Quy chế bầu cử Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.

Đại hội đã thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP); Không đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP)

Ban Kiểm phiếu tiến hành tổ chức bầu cử.

PHẦN III

ĐẠI HỘI THẢO LUẬN VÀ PHÁT BIỂU Ý KIẾN

Ông Đặng Việt Anh Chủ tịch đoàn, điều hành Đại hội thảo luận và các cổ đông phát biểu ý kiến.

1. Cổ đông – MĐH nội dung ý kiến...

2. Cổ đông – MĐH nội dung ý kiến...

.....

Thay mặt Đoàn chủ tịch Ông Đặng Việt Anh và ông Trần Ngọc Hiếu đã trả lời câu hỏi của cổ đông:

Nội dung trả lời....

Ông thay mặt đoàn chủ tịch, HĐQT tiếp nhận ý kiến của các cổ đông để xin ý kiến Đại hội biểu quyết.

PHẦN IV BIỂU QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI

Ông – - Ủy viên đoàn chủ tịch thay mặt Đoàn chủ tịch xin ý kiến Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung đã nêu trên; Ban kiểm phiếu tiến hành tổng hợp kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử và báo cáo kết quả như sau:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017-2018 và tổng kết nhiệm kỳ 2013-2018; Định hướng hoạt động năm 2018-2019; Báo cáo của Hội đồng quản trị về thực hiện các Dự án đầu tư và Báo cáo của Ban Điều hành về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017-2018; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018-2019 đã trình Đại hội.

Đại hội đã thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP); Không đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP)

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 - 2018; Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2017- 2018.

Đại hội đã thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP); Không đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP)

3. Quyết toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2017 - 2018 và Dự toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2018 – 2019.

Đại hội đã thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP); Không đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP).

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 – 2019 và định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2018-2023.

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 – 2019

- Tổng doanh thu	:	900,653 triệu đồng
- Tổng chi phí	:	880,553 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	20,100 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	20,100 triệu đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức	:	10%/VDL

4.2. Định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2018-2023:

Phương châm định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh của giai đoạn 2018-2023 của Công ty là “Tiếp tục củng cố và hoàn thiện trên cơ sở phát huy tối đa nguồn lực hiện có; Phát triển và mở rộng có lựa chọn phù hợp với lợi thế vùng miền; Bảo đảm tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân cả giai đoạn từ 7%-10%”.

Đại hội đã thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP); Không đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP)

5. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 -2019 phải đảm bảo các điều kiện:

- Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết được công bố hàng năm.

- Công ty kiểm toán trong nước và quốc tế có uy tín, khả năng, kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

Đại hội đã thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP); Không đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP)

6. Thông qua nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Mía đường Sơn La sửa đổi và ban hành theo Điều lệ mẫu quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ.

Đại hội đã thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP); Không đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP)

7. Thông qua nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ.

Đại hội đã thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP); Không đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP)

II. Thông qua kết quả bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023, như sau:

Đại hội đã tiến hành bầu cử bằng cách bỏ phiếu kín và kết quả các ông, bà sau đây trúng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023 (theo tỷ lệ phiếu bầu từ cao xuống thấp):

- Danh sách HĐQT: 05 người gồm:

- | | |
|-----------|---|
| 1. Ông/bà | - Số phiếu:/..... CP - đạt% |
| 2. Ông/bà | - Số phiếu:/..... CP - đạt% |
| 3. Ông/bà | - Số phiếu:/..... CP - đạt% |
| 4. Ông/bà | - Số phiếu:/..... CP - đạt% |

5. Ông/bà - Số phiếu:/..... CP - đạt%
 - Danh sách BKS
 1. Ông/bà - Số phiếu:/..... CP - đạt%
 2. Ông/bà - Số phiếu:/..... CP - đạt%
 3. Ông/bà - Số phiếu:/..... CP - đạt%

- Đại hội đã nghe HĐQT, BKS báo cáo kết quả bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS nhiệm kỳ III (2018-2023), cụ thể:

+ Ông... được bầu làm Chủ tịch HĐQT

+ Bà.....được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát

IV. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền, giao nhiệm vụ cho Hội đồng Quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội thường niên năm 2018.

Đại hội đã thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP); Không đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP)

PHẦN VI THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Bà Phan Thị Hồng Duyên thay mặt Ban thư ký thông qua Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần mía đường Sơn La.

2. Đại hội đã biểu quyết thống nhất thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội do Ban thư ký đọc thông qua tại Đại hội, với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

3. Ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch Đoàn đọc diễn văn bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.

Đại hội kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày./.

**TM. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN
Phan Thị Hồng Duyên**

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH ĐOÀN
Đặng Việt Anh**



Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Mía đường Sơn La;

- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 25/9/2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tổ chức tại trụ sở Công ty ngày 25/9/2018 đã nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017-2018 và tổng kết nhiệm kỳ 2013-2018; Định hướng hoạt động năm 2018-2019; Báo cáo của Hội đồng quản trị về thực hiện các Dự án đầu tư và Báo cáo của Ban Điều hành về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017-2018; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018-2019 đã trình Đại hội. Đại hội thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/..... CP).

Về việc thực hiện các Dự án đầu tư: Đại hội đồng cổ đông thống nhất với các Nghị quyết, Quyết định và các giải pháp của HĐQT, Ban quản lý dự án và Tổng giám đốc công ty đã triển khai thực hiện để đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án. Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị tiếp tục hoàn thiện các công việc liên quan đến Dự án, khi Dự án hoàn tất tiến hành thanh, quyết toán, báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất.

Điều 2. Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2017-2018.

Đại hội thông qua với tỷ lệ biểu quyết% số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (..... CP/..... CP), gồm các nội dung sau:

2.1. Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 - 2018

+ Tổng doanh thu : 600,726,878,201 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế TNDN : 115,934,391,221 đồng.

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN : 115,934,391,221 đồng.

2.2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 – 2018 đã được kiểm toán;



2.3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 – 2018.

- Lợi nhuận sau thuế các năm trước để lại : 207,929,974,266 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017-2018 : 115,934,391,221 đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 30/6/2018 : 323,864,365,487 đồng.
- Phân phối lợi nhuận năm 2017-2018:
 - * Tổng trích lập các quỹ năm 2017 – 2018 : 8,000,000,000 đồng
 - + *Quỹ phúc lợi.* : 2,000,000,000 đồng
 - + *Quỹ khen thưởng* : 5,000,000,000 đồng
 - + *Quỹ khen thưởng quản lý, điều hành.* : 1,000,000,000 đồng
 - * Chi trả cổ tức bằng tiền (30%/VĐL) : 29,375,835,000 đồng
 - * Lợi nhuận để lại chưa phân phối chuyên qua năm sau : 286,488,530,487 đồng

Điều 3. Đại hội thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% với nội dung quyết toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2017 – 2018 và Dự toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2018 – 2019, cụ thể:

1. Quyết toán chi phí hoạt động và thù lao HĐQT, BKS năm 2017 – 2018: 949.805.969 đồng (*Chín trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm linh năm ngàn, chín trăm sáu mươi chín đồng*).

Trong đó:

- Chi phí thù lao của HĐQT, BKS : 844.133.333 đồng.
- Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS: 105.672.636 đồng.

2. Dự toán chi phí hoạt động và thù lao HĐQT, BKS năm 2018 - 2019 là 1.852.000.000 đồng (*Một tỷ, tám trăm năm mươi hai triệu đồng*).

Trong đó:

- Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát dự kiến khoảng 01 tỷ đồng.
- Thù lao của HĐQT, BKS và thư ký Công ty: 852 triệu đồng. Mức thù lao hàng tháng của HĐQT, BKS và thư ký Công ty, cụ thể như sau:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15 triệu đồng/tháng.
 - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị : 12 triệu đồng/tháng.
 - Thành viên Hội đồng quản trị : 08 triệu đồng/người/tháng.
 - Trưởng Ban kiểm soát : 08 triệu đồng/tháng.
 - Thành viên Ban Kiểm soát : 04 triệu đồng/người/tháng.
 - Thư ký Công ty : 04 triệu đồng/tháng.

Điều 4. Đại hội thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 – 2019 và định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2018-2023 với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội (.....CP/.....CP), gồm các chỉ tiêu:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 – 2019

- Tổng doanh thu : 900,653 triệu đồng
- Tổng chi phí 880,553 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 20,100 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 20,100 triệu đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức : 10%/VDL

2. Định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2018-2023:

Phương châm định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh của giai đoạn 2018-2023 của Công ty là “Tiếp tục củng cố và hoàn thiện trên cơ sở phát huy tối đa nguồn lực hiện có; Phát triển và mở rộng có lựa chọn phù hợp với lợi thế vùng miền; Bảo đảm tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân cả giai đoạn từ 7%-10%”.

Điều 5. Đại hội thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% với nội dung ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 -2019, đảm bảo các điều kiện được quy định như sau:

- Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết được công bố hàng năm.

- Công ty kiểm toán trong nước và quốc tế có uy tín, khả năng, kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

Điều 6. Đại hội thông qua nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Mía đường Sơn La sửa đổi và ban hành theo Điều lệ mẫu quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ; với tỷ lệ biểu quyết tán thành % số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 7. Đại hội thông qua nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ với tỷ lệ biểu quyết tán thành % số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 8. Đại hội thông qua kết quả bầu Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:



- Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 gồm 05 thành viên:

1. Ông/Bà
2. Ông/Bà
3. Ông/Bà
4. Ông/Bà
5. Ông/Bà

.....

- Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023, gồm 03 thành viên:

1. Ông/Bà
2. Ông/Bà
3. Ông/Bà

.....

- Đại hội đã nghe HĐQT, BKS báo cáo kết quả bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS nhiệm kỳ III (2018-2023), cụ thể:

+ Ông... được bầu làm Chủ tịch HĐQT

+ Bà.....được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát

Điều 9. Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đã thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý% việc ủy quyền, giao nhiệm vụ cho Hội đồng Quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội thường niên năm 2018.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua với tỷ lệ tán thành% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội tương ứng với cổ phần/..... cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và có hiệu lực từ ngày 25/9/2018. Cổ đông, các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc điều hành Công ty cổ phần Mía đường Sơn La có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2018
CHỦ TỊCH HĐQT - CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
ĐẶNG VIỆT ANH**



Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Thưa Quý vị đại biểu!

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; Kết thúc năm tài chính 2017-2018, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 một số nội dung chính như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất niên vụ 2017-2018;
2. Công tác lao động, tiền lương và chế độ chăm lo đời sống cho người lao động năm 2017-2018;
3. Kết quả hoạt động tài chính năm 2017-2018;
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2018-2019 (từ ngày 01/7/2018 đến hết ngày 30/6/2019);

Nội dung cụ thể như sau:

**PHẦN I
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ
HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH NIÊN VỤ 2017-2018;**

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT NIÊN VỤ 2017-2018.

1. Kết quả sản xuất mía nguyên liệu

Niên vụ 2017-2018, diện tích mía toàn vùng của Công ty đạt 7.865 ha, tăng so 365 ha so với kế hoạch (7.500ha) và tăng 1.686 ha so với niên vụ 2016-2017 (6.164ha). Diện tích mía nguyên liệu tăng là do Công ty đã luôn chú trọng đến công tác tuyên truyền vận động, chú trọng đến chính sách đầu tư cho vùng nguyên liệu mía, quan tâm lắng nghe nguyện vọng của người trồng mía để điều

chính sách phù hợp, đảm bảo hài hoà lợi ích của Công ty và người trồng mía. Cây mía thực sự là cây “xóa đói, giảm nghèo” mang lại thu nhập, công ăn việc làm cho nông dân (nhất là tại các vùng khó khăn) nên được chính quyền địa phương quan tâm và ủng hộ. Kết quả sản xuất mía nguyên liệu niên vụ 2017-2018, như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	%TH so với KH
1	Diện tích vùng nguyên liệu	ha	7,500	7,865	104,9
2	Năng suất bình quân	tấn/ha	67	69.2	103.2
3	Tổng sản lượng mía,	Tấn	526,955	544,980	103.4
-	<i>Trong đó: Sản lượng mía chế biến</i>	<i>tấn</i>	<i>494,455</i>	<i>505,193</i>	<i>102.2</i>

- Công tác phát triển diện tích mía niên vụ 2017-2018 tuy tăng vượt kế hoạch nhưng diện tích các vùng gầy, địa hình thuận lợi thì lại giảm lớn do cạnh tranh với cây trồng khác (chủ yếu là cây ăn quả), nên vùng nguyên liệu mía phải mở rộng tới các vùng cao, sâu, xa, diện tích manh mún, nông dân có trình độ canh tác kém... dẫn đến tăng chi phí vận chuyển, giảm năng suất bình quân; Địa hình chia cắt, nhỏ lẻ...không thể áp dụng được cơ giới hóa và các tiến bộ khoa học kỹ thuật khác. Do chuyển dịch cơ cấu lao động nên đã có sự thiếu hụt lao động cục bộ trong vụ thu hoạch.

- Niên vụ 2017-2018 năng suất mía BQ toàn vùng là 69,2 tấn/ha, nhưng tiềm năng để tăng năng suất rất hạn chế do diện tích phát triển nguyên liệu chỉ tập trung ở các vùng đất đòi cao, thiếu nước.

- Đường giao thông nội vùng nguyên liệu mía đa số là đường đất, đồi dốc nên khi trời mưa to không vận chuyển được mía về nhà máy.

2. Kết quả sản xuất chế biến đường

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% thực hiện/kh
1	Sản xuất, chế biến đường RS	Tấn	61.807	62.937	101,8
2	Sản xuất, chế biến đường RE	tấn		4.885	
3	Sản lượng mật rỉ	tấn	20.767	24.393	117,5

Niên vụ 2017-2018, Công ty đã đầu tư nâng cấp dây chuyền chế biến Đường ổn định công suất 5.000 TMN, ngày 18/12/2017, nhà máy đã đi vào sản xuất kịp thời vụ. Công suất ép của dây chuyền sản xuất đường được nâng cao nên vụ sx 2017-2018 tuy sản lượng mía có tăng so với kế hoạch, thời tiết mưa nhiều, thời gian dùng ép để chò mía tăng nhưng Công ty đã chế biến hết được sản lượng mía của nông dân. Sản lượng đường sản xuất thực tế tăng gần 2% so với kế hoạch.

Tuy nhiên, để có được kết quả trên Công ty đã gặp không ít khó khăn như: 02 năm liền thực hiện nâng công suất nhà máy với khoảng thời gian ngắn nhưng khối lượng công việc rất nhiều, hầu hết các công đoạn của dây chuyền đều tháo dỡ chuyển đổi và lắp đặt mới các thiết bị máy móc đáp ứng theo công suất chế luyện.

Về nhân lực lao động : khá nhiều công nhân mới được tuyển dụng bổ sung, mặc dù Công ty đã mời Trường cao đẳng nghề Cơ điện và Công nghệ thực phẩm Hà Nội đào tạo cả lý thuyết và thực hành, cùng với sự nhiệt tình hướng dẫn của các công nhân lành nghề lâu năm nhưng khi đi vào vận hành máy móc thiết bị vẫn gặp nhiều khó khăn, làm giảm phần nào hiệu quả phối hợp giữa các công đoạn.

Thời tiết cuối vụ vào tháng 5 mưa nhiều, làm kéo dài thời sản xuất và tiêu tốn năng lượng dẫn đến tăng giá thành sản phẩm.

3. Kết quả sản xuất Phân bón

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% thực hiện/kh
-	Sản lượng phân vi sinh	tấn	3.500	1.971	56,3
-	Phân bùn ủ men.	tấn	22.251	26.577	119.4

Công tác sản xuất phân vi sinh và bùn ủ men mục đích chủ yếu để cung cấp cho vùng nguyên liệu mía của Công ty nhằm tái tạo đất, cung cấp chất dinh dưỡng cho cây mía chứ không đặt nặng về kinh doanh. Niên vụ 2017-2018, Công ty sản xuất phân vi sinh và bùn ủ men (chủ yếu bùn tươi ủ men) theo nhu cầu đăng ký mua của các hộ dân trong vùng nguyên liệu mía, nên sản xuất đến đâu tiêu thụ đến đó không bị tồn kho, bãi, bảo vệ được môi trường.

II. CÔNG TÁC LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG VÀ CHĂM LO ĐỜI SỐNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG.

1. Công tác lao động.

Niên vụ 2017-2018, Công ty đã sắp xếp lại lao động để ổn định công tác tổ chức, đáp ứng được chất lượng công việc, giảm chi phí SXKD. Định biên lao động niên vụ 2017-2018 là 425 người, tăng 29 người so với niên vụ 2016-2017 là do niên vụ 2017-2018 Công ty có sản xuất đường RE.

2. Công tác tiền lương năm 2017-2018: Ban điều hành Công ty luôn xác định thu nhập của người lao động là yếu tố quan trọng để người lao động gắn bó với Công ty, nên Công ty luôn quan tâm nâng cao năng lực sản xuất tạo việc làm cho người lao động, Năm 2017-2018, tiền lương B/q của người lao động là 6.379.000 đồng/ng/tháng.

Các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Công tác chăm lo đời sống cho người lao động.

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La sản xuất theo mùa vụ nhưng các ngày lễ tết như: Tết dương lịch, tết nguyên đán; ngày lễ 30/4, mùng 1/5... Công ty đã luôn quan tâm tặng quà cho CBCNLD trong toàn Công ty, ngoài ra nhân ngày Quốc tế Người lao động Công ty còn mua thẻ Bảo hiểm con người tặng cho toàn thể CBCNLD trong Công ty.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH NĂM 2017-2018 (Từ 01/7/2017 đến 30/6/2018).

Chỉ tiêu	Kế hoạch (đồng)	Thực hiện (đồng)	% thực hiện/kh
- Tổng doanh thu	798,000,000,000	600,726,878,201	75.3%
- Tổng chi phí	742,200,000,000	484,792,486,980	65,3%
- Lợi nhuận trước thuế	55,800,000,000	115,934,391,221	207.8%
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	55,500,000,000	115,934,391,221	208.9%
- Lãi cơ bản/cổ phiếu		13.531	

PHẦN II KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN VỤ 2018-2019

- Tổng doanh thu toàn Công ty : 900,653 triệu đồng.
- Tổng chi phí : 880,553 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN : 20.100 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 20.100 triệu đồng.

Kính thưa Quý cổ đông;

Thưa các Quý vị đại biểu!

Như chúng ta đã biết sản xuất mía đường nói chung luôn bị ảnh hưởng trực tiếp bởi những diễn biến phức tạp của thời tiết như: Hạn hán, lũ lụt, sương muối...khí hậu ngày một biến đổi phức tạp; cây mía luôn phải cạnh tranh quyết liệt với cây trồng khác trên địa bàn nên sản xuất mía luôn phải đối mặt với những khó khăn ngày một lớn hơn.

Vụ 2018 -2019 Ngành mía đường trong nước nói chung và Công ty CP mía đường Sơn La nói riêng tiếp tục đối mặt với những khó khăn phức tạp: Dự báo tình trạng đường dư thừa vẫn kéo dài, Hiệp định ATIGA đối với mặt hàng đường đã được Chính phủ gia hạn đến 31/12/2019 nhưng do ảnh hưởng tâm lý, cộng với lượng đường nhập lậu tràn lan, đường lòng (chất tạo ngọt) với thuế suất bằng 0% được nhập khẩu với số lượng lớn từ Trung Quốc, Hàn

Quốc đã làm cho giá đường sản xuất trong nước giảm sâu từ vụ 2017-2018 và dự kiến sẽ tiếp tục giảm trong vụ 2018 -2019.

Xác định được những khó khăn, thuận lợi trước mắt cũng như lâu dài, đề chủ động thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2018-2019, Ban điều hành Công ty đã đề ra một số giải pháp:

- Để vùng nguyên liệu phát triển ổn định bền vững và lâu dài thì cần tiếp tục có các chính sách đầu tư phù hợp để bà con nông dân thực hiện chuyên canh cây mía; việc sản xuất mía phải đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người trồng mía và Công ty. Nhằm tạo nền tảng vững chắc xây dựng nguồn mía nguyên liệu đáp ứng được công suất dây chuyền chế biến của Nhà máy, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương và CBCNLD trong công ty.

- Công suất ép của dây chuyền chế biến đường luôn phải phù hợp với sản lượng mía để tiêu thụ hết mía cho bà con nông dân đúng vụ thu hoạch nhằm giảm áp lực mùa vụ, tăng hiệu quả thu hồi, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tạo giá trị gia tăng, giảm giá thành sản xuất.

- Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, mở rộng thị trường tiêu thụ, duy trì mối quan hệ mật thiết, bền vững với các khách hàng truyền thống nhằm tiêu thụ hết sản phẩm, đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty.

- Triển khai các giải pháp công nghệ thông tin và đầu tư tăng các thiết bị tự động hóa nhằm tối ưu hóa nguồn lực Công ty.

- Tiếp tục phát huy tối đa kinh nghiệm và tập trung nguồn lực hiện có để đẩy mạnh phát triển lĩnh vực chính: Kinh doanh chế biến đường, kinh doanh phân bón.

- Chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quan tâm và đầu tư thích đáng cho công tác bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, trồng cây xanh, vệ sinh công nghiệp.

- Tham gia tích cực với các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn, thực hiện có hiệu quả các chương trình an sinh xã hội và khẳng định được vị thế của cây mía là cây xóa đói giảm nghèo bền vững, góp phần không nhỏ trong chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương trong vùng nguyên liệu mía.

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành Công ty cổ phần mía đường Sơn La Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, xin ý kiến Đại hội./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐTN 2018;
- Lưu: VT, HSDH.

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Ngọc Hiếu



Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017-2018; Phương hướng nhiệm vụ năm 2018-2019 và Kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ II (2013-2018), Phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ III (2018-2023)
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)

Kính thưa Quý cổ đông!

Thưa Quý vị đại biểu!

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;

- Căn cứ kết quả SXKD niên vụ 2017-2018 và Kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ II (2013-2018) của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, một số nội dung chính như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2017-2018; PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018-2019.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2017-2018

1. Nhân sự Thành viên HĐQT

- Theo Quy định tại Điều lệ của Công ty số lượng thành viên HĐQT là 05 người, nhiệm kỳ 05 năm, đến nay đã hết nhiệm kỳ II (2013-2018). Năm 2017-2018 số lượng thành viên HĐQT đủ 05 người.

Tại Đại hội này HĐQT sẽ có Tờ trình mãn nhiệm kỳ và đề nghị Đại hội đồng cổ đông bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ III giai đoạn 2018-2023.

2. Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2017-2018

2.1. Tình hình chung.

Niên vụ 2017-2018, là một năm khó khăn cho ngành đường thế giới nói chung và mía đường Việt Nam nói riêng. Giá đường trong nước giảm sâu do tình trạng dư cung lớn. Giá bán buôn đường kính trắng RS giảm gần 30% so với cùng kỳ năm trước do áp lực bỏ hạn ngạch nhập khẩu, giảm thuế suất về

5%; áp lực từ đường lậu và đường lòng với thuế suất 0% từ Trung Quốc, Hàn Quốc. Tuy hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) được gia hạn đến cuối năm 2019 nhưng cũng không giảm được khó khăn cho ngành mía đường trong nước.

Căn cứ tình hình thực tế, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 HĐQT đã đưa ra các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của năm 2017-2018 và được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với thực tế, định hướng tốt cho Ban điều hành Công ty trong triển khai thực hiện.

2.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2017 - 2018.

a). Kết quả sản xuất kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 và Nghị quyết của HĐQT, Ban điều hành đã triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ, đầu tư phù hợp với tình hình thực tế của vùng nguyên liệu mía.

- Niên vụ 2017-2018, diện tích mía toàn vùng của Công ty đạt 7.865 ha, tăng 1.686 ha so với niên vụ 2016 - 2017 (6.164ha). Số hộ dân ký hợp đồng trồng mía với Công ty là 8.626 hộ dân;

- Dây chuyền chế biến đường đã được nâng công suất ổn định đáp ứng được việc tiêu thụ hết sản lượng mía cho bà con nông dân trong vùng nguyên liệu mía của Công ty

- Công tác tổ chức đã tinh gọn bộ máy quản lý, sắp xếp định biên lao động phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của công ty;

- Công tác mua sắm vật tư được cân nhắc và khảo sát kỹ thị trường trước khi mua nên tiết giảm được chi phí khá lớn.

Với việc chủ động nắm bắt cơ hội, giải quyết tốt các vấn đề khó khăn, tiết kiệm chi phí nên năm 2017-2018 Công ty đã đạt được kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch (đồng)	Thực hiện (đồng)	% thực hiện/kh
- Tổng doanh thu	798,000,000,000	600,726,878,201	75.3%
- Tổng chi phí	742,200,000,000	484,792,486,980	65,3%
- Lợi nhuận trước thuế	55,800,000,000	115,934,391,221	207.8%
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	55,500,000,000	115,934,391,221	208.9%

Đánh giá tổng quan năm 2017-2018 Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế. Thị phần giữ được mức ổn định, đây là kết quả rất đáng phấn khởi trong bối cảnh ngành đường Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn.

b). Một số công tác khác.

- Song song với mục tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện tốt các nội dung công việc theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với công ty niêm yết.

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ, tăng năng suất lao động, chống lãng phí, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt các chính sách lao động theo luật định. Duy trì trật tự kỷ cương trong công ty.

- Thực hiện tốt các quy định về ATVSLĐ, PCCN, giải quyết đầy đủ chế độ cho người lao động theo luật định, tích cực thực hiện Bảo vệ môi trường.

2.3. Về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2017 – 2018.

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 HĐQT đã triển khai:

+ Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu (*danh sách đăng ký cuối cùng ngày 19/3/2018*) với tỷ lệ 20%/VĐL, đến ngày 04/5/2018 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có thông báo ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu niêm yết bổ sung: Ngày giao dịch chính thức: 15/5/2018.

+ Ngày 29/3/2018, HĐQT đã sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La thay đổi vốn Điều lệ từ 81.599.830.000 đồng lên 97.919.450.000 đồng và bổ sung ngành nghề kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 đã thông qua.

+ Ngày 28/5/2018, Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký thay đổi lần thứ 8) và đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh.

- Năm 2017 - 2018, Hội đồng Quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định để triển khai Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua, ban hành 58 Nghị quyết của HĐQT đề ra các chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc điều hành trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và thực hiện các dự án đầu tư.

- Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia mở rộng của Ban điều hành, Ban Kiểm soát và các đơn vị có liên quan nhằm tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị nắm bắt các khó khăn và đưa ra các chỉ đạo kịp thời theo từng lĩnh vực được phân công theo dõi, giám sát.

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã điều hành các hoạt động của Hội đồng Quản trị theo đúng thẩm quyền. Các thành viên Hội đồng quản trị đã tích cực quản lý, giám sát công ty; đưa ra những đánh giá, ý kiến khách quan nhằm mục tiêu tăng cường công tác quản trị công ty; hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

- Hội đồng quản trị thường xuyên có sự thảo luận, hội ý và thống nhất các ý kiến chỉ đạo đối với từng công việc phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Tổng thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký trong năm 2017-2018 là 844.133.333 đồng, nằm trong khuôn khổ mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trong vai trò quản trị, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên và sát cánh cùng Ban điều hành để kịp thời đưa ra các quyết sách linh hoạt

đảm bảo đúng định hướng “Tăng trưởng bền vững - hiệu quả hợp lý” cho Công ty và hỗ trợ Ban điều hành giải quyết các vấn đề phát sinh trong quản lý điều hành.

2.4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty trong công tác triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng Quản trị. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc, Ban điều hành; kiểm tra tình hình chấp hành tuân thủ các quy định của Pháp luật đối với hoạt động của Công ty.

Năm 2017 - 2018, Tổng giám đốc và BĐH đã tích cực thực hiện các Quyết nghị của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và các khuyến cáo của BKS. Hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã nỗ lực phấn đấu và hoạt động có hiệu quả, giúp cho Công ty hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu SXKD.

2.5. Những hạn chế tồn tại

Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh đạt được của năm 2017-2018 là khả quan so với tình hình chung của ngành mía đường trong nước, tuy nhiên Hội đồng quản trị nhận thấy và tự đánh giá vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Tính ổn định của vùng mía nguyên liệu vẫn chưa được đảm bảo, vẫn mang tính ngắn hạn chưa có kế hoạch phát triển mang tính bền vững dài hạn; chưa xây dựng được vùng diện tích sản xuất mía tập trung có nhiều lợi thế; cơ cấu bộ mía giống vẫn còn bất cập, khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện thời tiết khí hậu chưa đáp ứng được nhu cầu đặt ra.

- Bộ máy nhân sự tuy đã được củng cố nhưng chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, lao động chưa đáp ứng được yêu cầu vẫn còn khá lớn.

- Tuy Ban điều hành đã có nhiều cố gắng trong công tác tiêu thụ nhưng sản lượng đường tồn kho vào thời điểm kết thúc vụ khá lớn, làm tăng chi phí kinh doanh (nguyên nhân như đã trình bày tại Tiết 2.1, Điểm 2, Mục I nói trên)

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018 - 2019

1. Nhận định tình hình chung

Theo tổ chức Mía đường Quốc tế (ISO) cảnh báo không nên quá kỳ vọng giá đường sẽ tăng trở lại; Đồng thời ISO cũng dự đoán tình trạng dư thừa sản lượng đường còn kéo dài đến vụ mùa 2018-2019 (giai đoạn 10/2018 đến 9/2019).

Tình hình chống buôn lậu vẫn chưa được thực hiện triệt để. Vì vậy, để tồn tại và phát triển chúng ta phải tìm cách giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm.

2. Kế hoạch phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ năm 2018 – 2019

Để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định vượt qua giai đoạn khó khăn. Hội đồng Quản trị đề ra phương hướng hoạt động SXKD năm 2018-2019, với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

- Tổng doanh thu toàn Công ty : 900.653 triệu đồng.
- Tổng chi phí : 880.553 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN : 20.100 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 20.100 triệu đồng.
- Chia cổ tức bằng tiền : 10%/vốn ĐL.
- Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định, lâu dài trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của Công ty và người trồng mía.
- Ổn định công suất dây chuyền chế biến đường đáp ứng chế biến kịp mùa vụ thu hoạch mía.
- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn, giảm chi phí sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo việc làm và ổn định mức thu nhập cho người lao động.
- Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông;

PHẦN II

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ II (2013-2018) ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2018-2023

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2013 -2018.

1. Tình hình chung

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Mía đường Sơn La nhiệm kỳ II (2013-2018) được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 với số lượng thành viên là 05 người. Trong thời gian hoạt động của nhiệm kỳ, thành viên HĐQT có sự thay đổi đáng kể do Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam đã thoái hết phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Mía đường Sơn La vào năm 2015. Mặt khác để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ từng thời kỳ, ĐHCĐ hàng năm đã cơ cấu lại thành viên HĐQT để hoạt động đảm bảo hiệu quả.

Trong suốt giai đoạn hoạt động của nhiệm kỳ, HĐQT đã luôn đề cao tinh thần đoàn kết, thống nhất ý chí tập thể trong mọi hoạt động quản trị Công ty theo đúng định hướng và hoàn thành thắng lợi và thực hiện vượt các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm được ĐHĐCĐ đề ra.

2. Về công tác tổ chức, quản trị Công ty.

- Căn cứ Điều lệ của Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Quản trị; trên cơ sở các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên,

trong nhiệm kỳ qua HĐQT đã thường xuyên tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường theo quy định, thường xuyên bám sát tình hình thực tế của Công ty để kịp thời đưa ra các Nghị quyết, quyết sách nhằm lãnh đạo chỉ đạo Ban Điều hành triển khai thực hiện sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất, theo đúng định hướng phát triển của Công ty.

- Sau khi Nhà nước thoái hết vốn tại Công ty, Hội đồng Quản trị tiếp tục tập trung hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản trị của Công ty theo hướng chuyên nghiệp; tổ chức sắp xếp, bố trí lại lao động đảm bảo phù hợp với tay nghề và trình độ chuyên môn kỹ thuật, ngành nghề đào tạo đáp ứng với yêu cầu công việc được giao. Đến nay công tác tổ chức cán bộ của Công ty cơ bản đã được cơ cấu, sắp xếp một cách khoa học, hợp lý ngang tầm với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Hội đồng quản trị kịp thời sửa đổi ban hành các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế để thực hiện công tác quản trị Công ty theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng Quản trị phù hợp với sở trường, năng lực công tác của từng thành viên để hoạt động của HĐQT đạt hiệu quả cao nhất.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2013-2018:

Nhiệm kỳ 2013-2018 tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, thị trường đường biến động khó lường; đặc biệt là giai đoạn cuối nhiệm kỳ giá đường giảm đáng kể làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn. Song, nhờ sự nỗ lực của Hội đồng Quản trị, sự quan tâm, giúp đỡ và hợp tác chặt chẽ của cổ đông lớn và khách hàng truyền thống, sự điều hành năng động và trách nhiệm cao của Ban Tổng Giám đốc, sự đoàn kết gắn bó và tinh thần trách nhiệm của tập thể cán bộ, công nhân lao động trong Công ty nên kết quả sản xuất kinh doanh của các năm trong nhiệm kỳ đều vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

Việc làm và thu nhập của CBCNLD ổn định; các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đầy đủ kịp thời theo quy định hiện hành của Nhà nước.

(Số liệu chi tiết tại bảng tổng hợp đính kèm báo cáo).

Với kết quả đạt được trong các năm vừa qua chúng ta có thể khẳng định rằng nhiệm kỳ 2013-2018 Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao, phần nào đã đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông và từng bước xây dựng Công ty ngày càng phát triển ổn định.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2018-2023.

1. Tầm nhìn

Dự báo thị trường Đường Thế giới và trong nước những năm tới còn nhiều diễn biến khó lường; giá Đường trong nước tiềm ẩn nhiều khả năng sẽ ở mức thấp, cạnh tranh với Đường nhập ngoại ngày càng khốc liệt, đặc biệt là khi Hiệp định ATIGA chính thức có hiệu lực đối với mặt hàng đường.

Nhưng với cơ sở vật chất Công ty chúng ta đã đầu tư trong những năm qua, kinh nghiệm của HĐQT, Ban điều hành, ý thức trách nhiệm tay nghề của CBCNLD; sự tin tưởng của Người dân vùng nguyên liệu, sự ủng hộ của chính quyền địa phương, sự ủng hộ của các khách hàng truyền thống và các cổ đông. Nhiệm kỳ tới Công ty chúng ta phấn đấu trở thành Công ty sản xuất công – nông nghiệp với công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, nhân sự chuyên nghiệp, vùng nguyên liệu ổn định bền vững, mang đến cho đối tác và khách hàng các sản phẩm tiện ích với chi phí hợp lý, chất lượng cao.

2. Chiến lược phát triển

Phương châm định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh của giai đoạn 2018-2023 của Công ty là “Củng cố và hoàn thiện trên cơ sở phát huy tối đa nguồn lực hiện có; Phát triển và mở rộng có lựa chọn phù hợp với lợi thế vùng miền; Bảo đảm tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân cả giai đoạn từ 7%-10%”.

3. Mục tiêu – Giải pháp

Mục tiêu:

- Tiết kiệm tối đa chi phí để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Đầu tư tập trung có chọn lọc không dàn trải, nâng cao hiệu quả đồng vốn đầu tư; Nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm ở thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

- Tinh gọn bộ máy quản lý và nâng cao chất lượng nguồn lực lao động sản xuất.

- Quan tâm phúc lợi xã hội nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế ngành nghề, từ đó nâng cao chất lượng cuộc sống của các hộ dân trồng mía, bảo vệ thương hiệu đối với các sản phẩm của Công ty.

Giải pháp:

- Nguyên liệu:

+ Tăng năng suất và chất lượng cây mía để tăng năng suất đường/ha mía nguyên liệu; Đầu tư khuyến nông, áp dụng quy trình canh tác tiên tiến phù hợp với đặc điểm vùng, cải tạo đất ở một số vùng; Cải tiến phương thức đầu tư - thu mua nhằm gia tăng lợi ích và đảm bảo hài hòa lợi ích, tạo sự gắn bó lâu dài giữa người dân trồng mía và Công ty.

+ Tiếp tục đầu tư cơ cấu các bộ giống mía, cơ cấu vùng trồng mía (loại bỏ một số diện tích trồng mía không thuận lợi) phù hợp với công suất nhà máy và sự thay đổi của điều kiện khí hậu vùng miền.

- Công nghệ chế biến:

+ Ổn định công suất của dây chuyền chế biến đường 5.000TMN, tăng tính an toàn và hiệu suất tổng thu hồi, nâng cao chất lượng sản phẩm đường.

+ Tăng cường mối liên kết, hợp tác với các đối tác chiến lược để xây dựng các chính sách đầu tư, thu mua nguyên liệu – sản phẩm nhằm tiết giảm tối đa chi phí phát sinh.

- Tài chính và Kinh doanh

+ Cân đối năng lực nguồn tài chính hiện có để phát triển đầu tư phù hợp, đạt hiệu quả cao nhất.

+ Phát triển hệ thống phân phối gắn kết thông qua các chính sách chia sẻ lợi ích cho các khách hàng tiềm năng, tạo sự gắn bó lâu dài với việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

+ Xây dựng bộ nhận dạng thương hiệu đồng bộ và hoàn chỉnh.

- Tổ chức và nguồn nhân lực

+ Rà soát, bổ sung hệ thống các quy trình, quy chế nội bộ quản trị trong toàn Công ty phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của pháp luật hiện hành.

+ Sắp xếp và tinh gọn tổ chức bộ máy, trong toàn Công ty một cách hợp lý, hiệu quả để khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế của từng đơn vị, gắn trách nhiệm với quyền hạn và thu nhập, tạo sự gắn kết giữa người lao động và Công ty.

+ Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên; Xây dựng chính sách tuyển dụng và đào tạo đội ngũ kế cận.

Kính thưa Quý cổ đông;

Thưa các quý vị đại biểu!

Nhiệm kỳ II giai đoạn 2008-2013 của HĐQT Công ty cổ phần mía đường Sơn La đã khép lại, mặc dù còn có một số tồn tại hạn chế nhất định nhưng tập thể HĐQT nhiệm kỳ II đã cùng nhau đoàn kết, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ, thực hiện vượt các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ đề ra. HĐQT trân trọng cảm ơn sự ủng hộ tích cực của Ban điều hành, hoạt động giám sát có hiệu quả của Ban Kiểm soát và tập thể người lao động Công ty, sự giám sát và phối hợp của các cổ đông đã góp phần cho việc hoàn thành nhiệm vụ của HĐQT.

Trong giai đoạn 2018-2023 tiếp theo, với những khó khăn, thách thức đã và đang đặt ra trước mắt, nhiệm vụ của HĐQT nhiệm kỳ III sẽ rất nặng nề, nhưng chúng tôi tin tưởng rằng với sự sáng suốt lựa chọn, sự nhiệt tình, tin tưởng và ủng hộ của các cổ đông, cùng sự đồng tâm đoàn kết của tập thể người lao động, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La sẽ tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ đề ra và vững bước đi lên.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Đặng Việt Anh**

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

GIAI ĐOẠN NHỆM MÃY II (Từ năm 2013 đến năm 2018)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2013 (Từ 01/01-31/12/2013)			Năm 2014 (Từ 01/01-31/12/2014)			Năm 2015 (Từ 01/01-31/12/2015)			Năm 2016 (năm TC chuyển đổi 01/01-30/6/2016)			Năm 2016-2017 (01/7/2016-30/6/2017)			Năm 2017-2018 (01/7/2017-30/6/2018)			Σ thực hiện 5 năm
			Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện	
1	Tổng sản lượng mía	Tấn	272,068	269,969	99.2	276,000	244,545	88.6	347,000	361,789	104.3	325,000	308,738	95.0	406,846	417,580	102.6	526,955	544,980	103.4	2,147,601
2	Tổng sản lượng đường.	Tấn	28,268	29,343	103.8	30,232	28,273	94	39,762	39,964	101	36,585	33,376	91.2	42,371	48,987	116	61,807	62,937	101.8	242,879
3	Tổng doanh thu	Trđ	420,000	584,909	139.3	475,000	411,764	87	545,000	561,385	103	482,000	425,668	88.3	591,600	537,311	91	798,000	600,727	75.3	3,121,763
4	Lợi nhuận trước thuế	Trđ		67,842		20,000	23,399	117	40,400	80,298	199	61,000	106,090	173.9	64,600	163,649	253	55,800	115,934	207.8	557,212
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Trđ	12,000	50,881	424.0	15,000	17,160	114	32,320	78,868	244	60,500	105,493	174.4		163,074		55,500	115,934	208.9	531,410
6	Lãi cơ bản/cổ phiếu	đồng		7,483			2,524			11,598			15,514		21,318				13,531		71,968
7	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	15	35	233.3	20	35	175	30	60	200	60	100	60	80	133	30	30			270
-	Chia cổ tức bằng cổ phiếu	%	15	35		20	35	175	30	60	200	40	100	40	60	150	30	30			230
-	Chia cổ tức bằng tiền	%										20	100	20	20	100	20				40
8	Vốn điều lệ			68,000			68,000			68,000			68,000		81,599.83				97,919.45		
9	Nguồn vốn chủ sở hữu			179,946			165,822			198,133			269,126		420,400				478,190		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
VỀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Ngày 25 tháng 9 năm 2018)**

Kính thưa Quý cổ đông!

Thưa Quý vị đại biểu!

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, các nhà máy đường phải đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa, nâng cấp dây chuyền sản xuất với công nghệ chế biến mới, thiết bị hiện đại, kết hợp đầu tư giống mía, áp dụng khoa học kỹ thuật vào canh tác mía nguyên liệu nhằm nâng cao hiệu suất thu hồi đường của cả quá trình sản xuất, giảm giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh. Do vậy từ năm 2016 đến nay Công ty đã luôn chú trọng đầu tư nâng cấp dây chuyền chế biến đường để ổn định công suất 5.000 TMN. Việc đầu tư này không những mang lại hiệu quả kinh tế xã hội mà còn phát huy được cơ sở nguồn lực sẵn có, đảm bảo hội nhập và cạnh tranh thành công cho Công ty.

HDQT Công ty xin báo cáo kết quả thực hiện các Dự án đầu tư từ năm 2016 đến nay, cụ thể như sau:

I. DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN I (2016 – 2017)

1. Tên dự án: Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 4.000 TMN (giai đoạn 2016-2018) - Giai đoạn I (2016-2017) đạt công suất 3.000 TMN của Công ty cổ phần mía đường Sơn La.

2. Giá trị và nguồn vốn đầu tư (Giá trị trước thuế):

Theo Báo cáo kiểm toán số 175/2018/BDO-BCKT ngày 06/7/2018 của Công ty TNHH kiểm toán BDO giá trị và nguồn vốn đầu tư của Dự án như sau:

Đơn vị tính: VND

Nguồn vốn đầu tư	Tổng mức đầu tư theo kế hoạch	Giá trị quyết toán	Tăng (+); giảm (-)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4=3-2)</i>
Tổng cộng (1+2)	203,245,000,000	201,513,699,267	-1,731,300,733
1- Vốn vay tín dụng	142,271,500,000	116,157,677,365	-26,113,822,635
2- Vốn tự có	60,973,500,000	85,356,021,902	+24,382,521,902

3. Đánh giá hiệu quả đầu tư:

Trong giai đoạn đầu tư năm 2016-2017, tất cả các hạng mục đầu tư có tính đến tính kế thừa cho giai đoạn 2 để đạt công suất 5.000 TMN và các hạng mục này có giá trị đầu tư lớn, chiếm hầu hết chi phí đầu tư trong giai đoạn 1 như: Hệ thống máy ép mía, tuabin phát điện 9MW, thiết bị lắng nhanh nước mía, hệ thống gia nhiệt nước mía bằng nước ngưng tụ, lò hơi siêu nhiệt 33 tấn hơi/giờ, hệ thống đường ống hơi, đường ống công nghệ... Còn lại một số hạng mục thiết bị được cải tạo lại để nâng cao hiệu suất và năng suất làm việc trên cơ sở tính năng thiết bị hiện hữu như: Bốc hơi 2.000 m², thiết bị dao xé tơi mía, hệ thống trộn bã nhuộm cho trống lọc chân không ... Tất cả thiết bị đầu tư mới trong giai đoạn này là những thiết bị có công nghệ hiện đại, tiên tiến nhất, tự động hóa cao và được nhập khẩu trực tiếp từ các nước có nền công nghiệp mía đường phát triển như: Ấn Độ, Nhật, Ý...

Dây chuyền sản xuất đường sau thời gian được đầu tư thiết bị mới, nâng cấp, phục hồi tính năng thiết bị hiện hữu và cải tiến công nghệ chế biến theo phương pháp công nghệ tiên tiến nhất của ngành mía đường được đưa vào vận hành từ ngày 17/12/2016 đã phát huy hiệu quả cao. Dây chuyền với thiết bị đồng bộ, thời gian dừng ép do sự cố không đáng kể nên công suất ép thực tế cao hơn thiết kế, góp phần tiêu thụ kịp thời lượng mía trong thời điểm chính vụ. Công suất ép đạt được cao nhất gần 3.800 TMN so với công suất thiết kế là 3.000 TMN. Chất lượng đường thành phẩm được duy trì ổn định, hầu hết đường thành phẩm đạt độ màu dưới 100 IU, tinh thể đường có kích thước đồng đều, có độ óng ánh được thị trường ưa chuộng. Đặc biệt với việc đầu tư thiết bị mới, công nghệ chế biến theo hướng tiết kiệm năng lượng nên trong vụ sản xuất 2016-2017, suất tiêu hao nhiên liệu, điện năng đạt theo yêu cầu của dự án. Tiêu hao hơi đạt trung bình 0,48 tấn hơi/tấn mía, trong khi đó suất tiêu hao hơi trước khi đầu tư là 0,6 tấn hơi/tấn mía. Tiêu hao điện năng mua ngoài (điện lưới) khoảng 7 KWh/tấn đường, so với vụ ép 2015-2016 là 34,6 KWh/tấn đường. Trong vụ ép 2016-2017 chi phí mua nhiên liệu bên ngoài (lõi ngô) bổ sung cho sản xuất giảm đáng kể. Lõi ngô chỉ sử dụng chủ yếu cho thời gian chạy thử thiết bị đầu vụ ép, hầu hết thời gian trong vụ ép nhà máy thừa bã mía để dự trữ cho thời gian nhà máy dừng chờ mía do trời mưa.

Với việc đầu tư đúng hướng về thiết bị và công nghệ sản xuất nên vụ ép 2016-2017 đạt hiệu suất sản xuất cao. Các chỉ tiêu kỹ thuật sản xuất của dây chuyền sau khi đầu tư trong giai đoạn 2016-2017 như: Công suất ép, hiệu suất ép, hiệu suất tổng thu hồi và chất lượng đường thành phẩm được nâng lên rõ rệt, các tiêu hao nhiên liệu, điện năng, vật tư hóa chất giảm nhiều. Đánh giá kết quả đầu tư giai đoạn 2016-2017 về mặt kỹ thuật đạt được kết quả như sau (báo cáo một số chỉ tiêu chính yếu của sản xuất):

TT	Hạng mục	Đvt	Trước đầu tư	Theo thiết kế	Kết quả thực hiện
1	Công suất ép cao nhất	TMN	2.500	3.000	3.793
2	Pol bã mía	%	2,73	≤ 2,2	2,18
3	Hiệu suất ép hiệu chỉnh	%	94,83	≥ 96,0	96,41
4	Pol bùn	%	1,95	≤ 2,0	1,45
5	Độ màu đường thành phẩm	IU	115	≤ 100	95
6	Hệ số an toàn thiết bị	%	93,02	94,0	95,8

Với kết quả đạt được như trên cho thấy việc đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường giai đoạn 2016-2017 đạt tiêu chí đề ra của dự án.

II. DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN II (2017 – 2018)

Với việc đầu tư đúng hướng, hiệu quả của giai đoạn 2016-2017, Công ty cổ phần mía đường Sơn La đã có kế hoạch tiếp tục triển khai đầu tư giai đoạn 2017-2018 để nâng công suất ép từ 3.000 TMN lên công suất 4.000 TMN nhằm tiêu thụ hết mía nguyên liệu. Do diện tích vùng nguyên liệu năm 2017-2018 tăng lên đến 7.600 ha (tăng 1.436 ha so với niên vụ 2016-2017), sản lượng mía nguyên liệu trên 500.000 tấn. Dự kiến diện tích và sản lượng mía các vụ tới sẽ tiếp tục tăng. Nếu chỉ nâng công suất lên 4.000TMN thì vẫn không đáp ứng được thời gian thu hoạch và chế biến hiệu quả nhất. Để thu hoạch mía đúng mùa vụ, rút ngắn thời gian sản xuất, giảm tỷ lệ mía/đường, giảm các tổn thất, nâng cao hiệu suất thu hồi thì dây chuyền sản xuất phải đạt công suất ổn định 5000TMN.

Do đó, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất điều chỉnh công suất ép khi đầu tư thiết bị, công nghệ cho giai đoạn 2 từ 4.000 TMN lên 5.000 TMN của dự án hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển của Công ty.

1. Tên dự án: Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định 5.000 TMN (Giai đoạn 2017-2018) của Công ty CP mía đường Sơn La.

2. Tổng mức đầu tư: 299.946 triệu đồng (Hai trăm chín mươi chín tỷ chín trăm bốn mươi sáu triệu đồng) (Chưa bao gồm VAT).

Tổng kinh phí đã thực hiện đến 30/6/2018: 286 tỷ đồng (chưa bao gồm thuế VAT).

3. Đánh giá hiệu quả đầu tư:

Trong giai đoạn I của Dự án, Công ty cổ phần mía đường Sơn La đã lựa chọn thiết bị, công nghệ, năng suất và loại hình sản phẩm đã phù hợp với nhu cầu thị trường tại Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung, phù hợp với thiết bị, chất lượng mía nguyên liệu, điều kiện kỹ thuật hạ tầng của Công ty. Vì vậy trong giai đoạn II của dự án này, kế thừa sự chọn lựa công nghệ, sản phẩm của giai đoạn I, Công ty vẫn tiếp tục duy trì và phát huy tính ưu việt của quy trình công nghệ, loại hình sản phẩm mà qua thực tế sản xuất trong vụ ép 2016 -

2017 chứng minh đạt hiệu quả cao. Công ty đầu tư lắp đặt thiết bị mới để đảm bảo công suất ép, hiệu suất tổng thu hồi và ổn định được chất lượng sản phẩm.

Trong đó, công đoạn chuẩn bị mía được thay thế toàn bộ thiết bị cũ bằng thiết bị mới với tính năng thiết bị, công nghệ hiện đại từ Ấn Độ để tăng hệ số chuẩn bị mía nhằm giảm tổn thất đường qua bã mía. Ngoài ra, hệ thống máy ép cũng được lắp đặt thêm 1 máy ép đầu nhập khẩu từ Công ty Ulka là nhà sản xuất máy ép hàng đầu của Ấn Độ để đạt công suất và hiệu suất ép theo chỉ tiêu dự án. Toàn bộ hệ thống thiết bị thuộc công đoạn chuẩn bị mía và máy ép mía được điều khiển tự động hoàn toàn.

Đối với công đoạn chế luyện, một số thiết bị đầu tư mới cũng được chọn lựa trên tiêu chí: Công nghệ mới, tiết kiệm năng lượng, sản xuất sản phẩm ổn định và hiệu suất thu hồi cao. Các thiết bị như: Bốc hơi màng rơi, gia nhiệt nước mía trực tiếp, nồi nấu đường liên tục cho đường non B, C, nồi nấu đường non A, máy ly tâm A...là những thiết bị được chế tạo theo công nghệ mới, điều khiển tự động nên khi đưa vào vận hành trong vụ sản xuất 2017 – 2018 đạt hiệu quả cao.

Các chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản đạt được trong vụ ép 2017 – 2018 của dây chuyền sản xuất đường RS sau khi đầu tư của giai đoạn II như sau:

TT	Hạng mục	Đvt	Trước đầu tư	Theo thiết kế	Kết quả thực hiện
1	Công suất ép cao nhất	TMN	3.793	5.000	5.123
2	Pol bã mía	%	2,18	≤ 2,2	1,84
3	Hiệu suất ép hiệu chỉnh	%	96,41	≥ 96,0	96,72
4	Pol bùn	%	1,45	≤ 2,0	1,65
5	Độ màu đường thành phẩm	IU	95	≤ 100	89
6	Hệ số an toàn thiết bị	%	95,8	94,0	94

Qua kết quả đạt được của vụ sản xuất 2017 – 2018 cho thấy các chỉ tiêu của sản xuất đạt được theo thiết kế, có một số chỉ tiêu chính như hiệu suất ép, độ màu đường, các tổn thất qua bã mía, bã bùn đạt cao hơn thiết kế và cao hơn vụ sản xuất 2016 – 2017.

Trong quá trình đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất đường RS trong 2 giai đoạn, song song với việc đầu tư thiết bị, công nghệ mới, để đảm bảo sản xuất liên tục Công ty đã đầu tư mới và cải tạo hệ thống thu gom nước thải, đầu tư bổ sung hoàn thiện hiện thống xử lý nước thải của toàn bộ nhà máy sản xuất. Chất lượng nước thải sau khi xử lý được tái sử dụng cho sản xuất, không xả thải ra môi trường nên tác động của nước thải đến cộng đồng dân cư không đáng kể.

Thực tế sản xuất của nhà máy trong 2 vụ ép 2016 – 2017 và 2017 – 2018, các chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản được đánh giá đạt và vượt tiêu chí của dự án

đề ra. Với dây chuyền sản xuất sau khi đầu tư, chất lượng đường của Công ty đã được thị trường đánh giá cao. Tuy nhiên, xu thế hội nhập quốc tế của ngành mía đường ngày càng sâu rộng, các nhà máy đường trong cả nước không ngừng đầu tư cải tiến công nghệ chế biến để đủ sức cạnh tranh với đường nhập khẩu. Vì vậy, Công ty cổ phần mía đường Sơn la cũng sẽ tiếp tục nghiên cứu, đầu tư thiết bị, công nghệ mới, giữ ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Kính thưa Quý vị cổ đông;

Thưa các quý vị đại biểu!

Do sự cần thiết phải triển khai dự án nâng công suất dây chuyền chế biến đường để phù hợp với diện tích phát triển vùng nguyên liệu, mặt khác việc nâng công suất cũng là điều kiện cần thiết để giảm giá thành sản phẩm đủ sức cạnh tranh với sản phẩm của các nước trong khu vực và thế giới khi hội nhập kinh tế quốc tế. Để kịp thời gian vào vụ sản xuất Hội đồng quản trị, Ban quản lý dự án và Tổng giám đốc công ty phải có các giải pháp cần thiết để triển khai dự án đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình, mang lại hiệu quả cao nhất cho công ty. Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thống nhất với các Nghị quyết, quyết định và các giải pháp của HĐQT, Ban quản lý dự án và Tổng giám đốc công ty đã triển khai thực hiện để đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án. Khi Dự án đầu tư giai đoạn II hoàn tất, Công ty sẽ khẩn trương quyết toán và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội gần nhất.

Trên đây là báo cáo kết quả đạt được của các dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Đặng Việt Anh**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH CỦA BAN KIỂM SOÁT
Kết thúc năm tài chính (từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/06/2018)
Trình Đại hội đồng cổ đông năm 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP mía đường Sơn La;

Ban kiểm soát (BKS) xin gửi tới Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 báo cáo về công tác hoạt động năm 2018 kết thúc 30/06/2018 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BKS:

1. Hoạt động của BKS:

Kết thúc năm tài chính (từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/06/2018) BKS đã triển khai hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành (BDH) Công ty.

- Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;

- Rà soát, kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện sai sót hoặc rủi ro tiềm ẩn, cảnh báo sớm và kiến nghị HĐQT, BTGD các giải pháp khắc phục.

- Tham gia các cuộc họp HĐQT, BDH đóng góp ý kiến trong công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ, theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, thẩm định tổ chức kiểm tra định kỳ báo cáo tài chính, quý năm của Công ty; Xem xét báo cáo của kiểm toán độc lập trước và sau quá trình kiểm toán. Ngoài ra BKS cũng thường xuyên trao đổi nội bộ để cập nhật thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động;

- Đến thời điểm báo cáo 30/6/2018, BKS không nhận bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, họp đột xuất để triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như thông qua nhiều nghị quyết, quyết định quan trọng bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản, chỉ đạo toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, ban hành các chủ trương, giải pháp và đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty, như chỉ đạo thực hiện dự án đầu tư nâng cấp thiết bị và sản xuất đường tinh luyện; Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định đáp ứng mứa đủ công suất hoạt động cho nhà máy theo từng giai đoạn, tiêu thụ sản phẩm đường và các phụ phẩm...

- HĐQT đã tích cực chỉ đạo, sâu sát trong việc quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty, các thành viên HĐQT đã chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao. Trong công tác quản trị doanh nghiệp HĐQT luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch và nhất quán từ việc định hướng chiến lược đến việc chỉ đạo cụ thể mọi hoạt động Công ty.

- BKS đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT đảm bảo đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và thực hiện hoàn thành nhiệm vụ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu của năm tài chính (từ 01/07/2017 đến 30/06/2018) với các chỉ tiêu như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 01/07/2017 đến 30/06/2018 (tr.đ)	TH 01/07/2017 đến 30/06/2018 (tr.đ)	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
1. Tổng doanh thu và thu nhập TC và khác	Trđ	798.000	622.541	78,01
2. Tổng chi phí	Trđ	742.200	506.607	68,26
3. Lợi nhuận trước thuế TNDN (năm)	Trđ	55.800	115.934	207,76
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN (năm)	Trđ	55.500	115.934	208,89
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng		13.531	

- Kết quả doanh thu thực hiện từ 01/07/2017 đến 30/06/2018 tuy có giảm so với kế hoạch do lượng đường tiêu thụ trong kỳ giảm. Đường tồn kho nhiều. Tuy nhiên lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch 208,89% nguyên nhân do chi phí sản xuất và các chi phí khác trong kỳ đều giảm.

- Việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2017 theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 23/09/2017, chi trả 80 % VĐL trong đó bằng tiền mặt 60%, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 20%, trích lập các quỹ 13 tỷ. Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối là 208.113 tr.đ.

- Tỷ lệ chia cổ tức tối thiểu bằng 30% VĐL theo nghị quyết năm 2017 hoặc tỷ lệ khác do ĐHĐCĐ này quyết định.

2. Công tác điều hành của Ban TGD công ty:

- TGD và các cán bộ quản lý đã điều hành hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. TGD đã tích cực chủ động triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT một cách quyết liệt. Công bố thông tin được đảm bảo đúng quy định.

- Về công tác sửa chữa lớn và các dự án dây chuyền thiết bị sản xuất đường: Ban điều hành và Ban QLDA đã tích cực giám sát, đôn đốc các đơn vị thực hiện qua quá trình sản xuất cơ bản đạt yêu cầu tuy nhiên cũng còn một số hạn chế cần khắc phục, vệ sinh máy móc thiết bị còn hạn chế, còn có những sự cố không đáng xảy ra trong sản xuất và chất lượng đường chưa hoàn toàn đảm bảo theo yêu cầu.

Đánh giá chung dự án hầu hết tất cả các thiết bị đầu tư mới phát huy hiệu quả, kết quả sản xuất cho thấy công suất nhà máy đã nâng đạt theo DA, đáp ứng diện tích và sản lượng mía các vụ tới sẽ tiếp tục tăng, việc thu hoạch mía đúng mùa vụ, rút ngắn thời gian sản xuất, giảm các tổn thất, nâng cao hiệu suất thu hồi, sản xuất đường có chất lượng, ổn định và đáp ứng được nhu cầu thị trường. Về chất lượng đường thành phẩm so với các năm trước có tiến bộ hơn về độ màu trắng hơn; hạt đồng đều sắc cạnh và sáng hơn.

- Công tác nguyên liệu:

Thực hiện vụ 2017-2018 so với vụ 2016-2017 về diện tích đạt 127,6%, năng suất mía đạt 101,02%, sản lượng mía đạt 128,96%, đầu tư đạt 143,07% và thu hồi nợ trong năm đạt 99,32%, một số công nợ sẽ thu bằng tiền mặt hoặc chuyển sang vụ sau. Riêng về năng suất bình quân toàn vùng không tăng do diện tích đất phát triển mới tăng là đất đồi dốc, manh mún; giao thông khó khăn; trình độ kỹ thuật chuyên canh mía của nông dân mới còn nhiều hạn chế.

Ngoài ra Công ty thực hiện tốt việc hỗ trợ Sửa chữa đường giao thông, chi phí chuyển đổi cây trồng, kinh phí cho hoạt động tại địa phương (Bản, xã, nông trường), từng bước thực hiện cơ giới hóa trong khâu trồng và chăm sóc mía, bước đầu mang lại hiệu quả tốt. Việc phát triển mía thu khó và chậm chưa đạt chỉ tiêu giao.

Công tác vận chuyển mía: chủ động trực tiếp thuê phương tiện vận chuyển đạt yêu cầu và mang nhiều hiệu quả khác như việc vận chuyển gắn chặt với kế hoạch thu hoạch, phần lớn mía nguyên liệu được bốc thẳng từ xe xuống ép nên mía tươi.

- Sản lượng đường SX trong năm vượt 30,49% so với vụ 2016-2017, Hiệu suất an toàn thiết bị và an toàn sản xuất chưa cao. Chất lượng đường có ổn định nhưng vẫn còn tạp chất trong đường. Việc thực hiện các định mức nguyên liệu, vật tư hóa chất còn chưa đạt xí nghiệp đường đang khắc phục.

- Việc tiêu thụ sản phẩm: đường gặp rất nhiều khó khăn, khi vào vụ mới đường vụ cũ vẫn còn tồn kho, giá bán đường giảm mạnh. Mặc dù HĐQT, BĐH đã có

nhiều giải pháp kể cả việc kiến nghị hiệp hội nhằm tháo gỡ chung cho ngành mía đường, nhưng đến nay tồn kho vẫn còn cao, ảnh hưởng lớn đến tài chính Công ty.

- Phương án khoán đối với hoạt động của XNNS, cửa hàng xăng dầu tiếp tục duy trì tạo sự chủ động cho các đơn vị và tăng hiệu quả SXKD của Công ty.

- Đội máy kéo tuy có sự phối hợp giữa xí nghiệp NL nhưng đội máy kéo vẫn chưa đạt hiệu quả, cần xem xét lại.

- Công tác tổ chức lao động: Việc tăng năng suất lao động được HĐQT Và BGD rất xem trọng cụ thể trong vụ dây chuyền thiết bị mở rộng nâng công suất lên 5000 tấn nhưng việc định biên lao động trong sản xuất có tăng nhưng không đáng kể ở một số ít vị trí trong thiết bị, các vị trí còn lại được sắp xếp lồng ghép theo dây chuyền cũ. Ngoài ra mở rộng vùng nguyên liệu, tăng diện tích mía, nên nhân sự khối nguyên liệu cũng tăng một ít, riêng đối với khối gián tiếp phục vụ không tăng. Kế hoạch vụ 2018-2019 để công tác hoàn thiện dây chuyền cải tạo nâng cao chất lượng đường RS, RE, chi tăng thêm vài lao động ở vị trí hệ thống túi sạch và khu hạ phẩm đường RE.

- Công tác an toàn lao động, an ninh trật tự đảm bảo thực hiện nghiêm các nội quy, quy chế của công ty. Công tác phòng chống cháy nổ thường xuyên kiểm tra và trang bị đầy đủ, thực hiện tốt. Vệ sinh công nghiệp tuân thủ nghiêm ngặt, sạch sẽ và thông thoáng. Công tác bảo vệ xử lý môi trường, quản lý hệ thống nước thải, thu gom phân loại rác thải tốt được cơ quan đánh giá tốt tuy còn một số việc bất cập nhưng Công ty cũng đã khắc phục nhanh.

3. Một số tồn tại, hạn chế :

- Bộ máy nhân sự mặc dù đã được quan tâm về tuyển dụng và đào tạo song vẫn còn nhiều hạn chế chủ yếu về nhân sự của xí nghiệp nguyên liệu, xí nghiệp chế biến đường chưa đáp ứng được yêu cầu công việc còn khá lớn.

- Vùng nguyên liệu của Công ty quá nhiều hộ nhỏ lẻ, đất đồi núi, nên việc quản lý khá phức tạp, việc bổ sung giống mía mới có năng suất và chất lượng chưa được thay thế. Vấn đề đưa cơ khí hóa vào đồng ruộng cực kỳ khó khăn.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thẩm định báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính từ 01/07/2017 đến 30/6/2018: đã được trình bày đầy đủ rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30/6/2018 theo đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam đã được Công ty TNHH Kiểm toán BDO thực hiện và đưa ra báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

- BKS thống nhất với kiểm toán viên độc lập về báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2018.

2. Tổng hợp một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thời điểm ngày 30/06/2018	Thời điểm ngày 30/06/2017	So sánh%
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	Đồng	775,304,783,819	539,713,543,794	143.65
1. Tiền và các khoản tương tiền	Đồng	696,847,076	22,645,337,844	3.08
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	Đồng	326,255,251,594	299,135,192,190	109.07
4. Hàng tồn kho	Đồng	436,569,942,078	212,323,723,758	205.62
5. Tài sản ngắn hạn khác	Đồng	11,782,743,071	5,609,290,002	210.06
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	Đồng	630,232,232,304	374,955,923,162	168.08
1. Tài sản cố định	Đồng	564,637,488,858	359,535,682,494	157.05
2. Tài sản dở dang dài hạn	Đồng	63,334,076,780	12,323,405,215	513.93
3. Tài sản dài hạn khác	Đồng	2,260,666,666	3,096,835,453	73.00
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	Đồng	1,405,537,016,123	914,669,466,956	153.67
A. NỢ PHẢI TRẢ	Đồng	927,346,782,806	494,269,955,860	187.62
1. Nợ ngắn hạn	Đồng	665,864,961,213	324,244,196,252	205.36
2. Nợ dài hạn	Đồng	261,481,821,593	170,025,759,608	153.79
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	Đồng	478,190,233,317	420,399,511,096	113.75
1. Vốn chủ sở hữu	Đồng	478,190,233,317	420,399,511,096	113.75
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	Đồng	1,405,537,016,123	914,669,466,956	153.67

- Tỷ lệ vốn CSH/tổng nguồn vốn tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 01/07/2017 là 45,96 % đến 30/06/2018 là 34,02 %, tuy có giảm nhưng khả năng tự chủ về tài chính của Công ty vẫn đảm bảo.

- Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 01/07/2017 là 54,04 % đến 30/06/2018 là 65,98 % có tăng do tại thời điểm này, tuy đã kết thúc vụ sản xuất nhưng việc thanh toán tiền mía vẫn còn nhiều và nguồn vốn vay tăng cao.

- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn kết thúc năm tài chính ngày 01/07/2017 là 1,16 lần đến 30/06/2018 là 1,66 lần và thanh toán nhanh tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 01/07/2017 là 0,07 lần đến 30/06/2018 là 0,01 lần do công ty đang tập trung vay ngắn hạn để sản xuất, đầu tư trồng mới và chăm sóc vụ 2018-2019 tương đối nhiều, thành phẩm tồn kho cao và vay dài hạn lớn theo các dự án.

- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn CSH kết thúc năm tài chính ngày 30/06/2018 tuy có giảm nhưng vẫn nằm trong diện cao trong ngành mía đường hiện nay.

- Báo cáo tài chính năm thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu tài chính trọng điểm trong năm, trong đó có:

+ Trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn đầu kỳ là 12.182 tr.đ, cuối kỳ 12.183 tr.đ trích đúng theo quy định.

+ Hàng tồn kho: 437.241 tr.đ, trong đó chủ yếu thành phẩm tồn kho là 411.410 tr.đ, hàng hóa: 638 tr. đ và vật tư là 25.315 tr.đ .

+ Tăng nguyên giá TSCĐ: 251.873 tr đ hầu hết là thiết bị nhà máy đường.

V. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH.

- BKS luôn nhận được sự ủng hộ và giám sát chặt chẽ của các cổ đông, sự phối hợp cộng tác tích cực của HĐQT và BDH theo đúng chức năng nhiệm vụ và phù hợp với điều lệ Công ty, pháp luật hiện hành để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.

- Các Nghị quyết, Quyết định và các chủ trương của HĐQT, BDH đã được cung cấp kịp thời cho BKS. Các cuộc họp của HĐQT đều mời BKS tham gia đóng góp ý kiến độc lập trong công tác quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. BDH luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS tiếp cận với hoạt động của Công ty. Phần lớn các đề xuất, kiến nghị của BKS được HĐQT và BDH ghi nhận và tiếp thu.

VI. KIẾN NGHỊ CỦA BKS:

1. Công tác nguyên liệu: Đề nghị HĐQT, BDH tiếp tục có các chính sách đầu tư phù hợp, việc tăng diện tích nên chú ý việc thâm canh, giống mía mới, phân bón phù hợp và cơ khí hóa để nâng cao năng suất, chất lượng mía, tăng thu nhập cho bà con và góp phần giảm giá thành sản phẩm mía cây.

2. Phát triển nhiều kênh phân phối nhằm giữ vững và gia tăng thị phần tiêu thụ sản phẩm. Bổ sung và hoàn chỉnh máy móc thiết bị dây chuyền RE để chất lượng đường RE áp ứng các nhà sản xuất công nghiệp như nước ngọt, sữa...

3. Quản lý và sử dụng vốn: Đề nghị BDH cân đối dòng tiền, cân đối tỷ lệ giữa vốn vay trung hạn và vốn CSH phục vụ cho các dự án một cách phù hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD.

4. Công tác tổ chức, lao động: Đề nghị HĐQT và BDH tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp lao động, tuyển dụng và đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề trong mọi lĩnh vực, bố trí đúng người, đúng việc để tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả.

5. Đề nghị Đại hội xem xét thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 01/07/2017 kết thúc ngày 30/06/2018 của TGD và HĐQT.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018 của BKS công ty CP mía đường Sơn La.

BKS kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua.

Kính chúc quý vị cổ đông, quý vị đại biểu dồi dào sức khỏe, chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN THỊ THỦY



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2013-2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
của Công ty CP Mía đường Sơn La

Kính thưa Quý cổ đông!

Thưa Quý vị đại biểu!

Thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Mía đường Sơn La, BKS xin báo cáo tình hình hoạt động của Ban trong nhiệm kỳ 2013-2018 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NHIỆM KỲ 2013-2018:

1. Về tổ chức nhân sự:

Nhiệm kỳ 2013-2018 gồm 03 thành viên, trong nhiệm kỳ có sự thay đổi, một số thành viên từ nhiệm và được bầu bổ sung tại các đại hội đồng cổ đông các năm. BKS thường xuyên có 2 thành viên trực tiếp tại công ty vừa là thành viên trong BKS nội bộ nên việc giám sát được thường xuyên và thuận lợi, nhất là trong hai khâu nguyên liệu và sản xuất đường và một thành viên có nghiệp vụ kế toán tài chính phụ trách chung về mọi hoạt động công ty đặc biệt là nhiệm vụ giám sát về lãnh vực tài chính kế toán.

2. Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát:

- BKS soát xét, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo đã được kiểm toán bởi các Công ty kiểm toán qua các năm về báo cáo tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn của Công ty.

- BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ và tổ chức hoạt động, các quy chế, quy định của Công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tình hình thực hiện nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

- Giám sát chặt chẽ công tác thông tin, các công bố thông tin về báo cáo tài chính và báo cáo quản trị, báo cáo thường niên theo quy định về công bố thông tin của UBCK nhà nước.

3. Phối hợp và giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD:

- HĐQT, Ban TGD hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các nghị

quyết, quyết định của HĐQT đều phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- HĐQT, Ban TGD đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường, có sự tham gia của BKS để triển khai các biện pháp thực hiện nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và ban hành các nghị quyết, quyết định chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- TGD điều hành Công ty thực hiện đúng theo các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT. Để đạt được mục tiêu và chủ trương của HĐQT, TGD đã có những đề xuất và triển khai thực hiện nghiêm túc các hoạt động SXKD, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các dự án.

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN TGD NHIỆM KỲ:

Trong nhiệm kỳ việc triển khai thực hiện một số hoạt động SXKD gặp nhiều khó khăn, nhưng HĐQT và Ban điều hành đã điều hành Công ty đạt được kết quả lợi nhuận thực hiện hàng năm đều vượt mức kế hoạch đề ra.

1. Một số chỉ tiêu tài chính đã đạt được trong nhiệm kỳ 2013-2018:

ST T	Chỉ tiêu	Năm TC 2013	Năm TC 2014	Năm TC 2015	Năm TC từ 1/1/2016-30/6/2016)	Năm TC niên độ 01/7/2016-30/6/2017	Năm TC niên độ 1/7/2017-30/6/2018
1	Sản lượng đường sản xuất (1000 tấn)	29,343	28,273	39,964	33,376	48,987	67,822
2	Doanh thu thuần (trđ)	584,909	411,764	561,385	425,667	537,311	600,727
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST) trđ	50,881	17,160	78,868	105,4	163,074	115,934
4	Vốn Điều lệ (trđ)	68,000	68,000	68,000	68,000	81,599.83	97,919.45
5	Vốn chủ sở hữu (trđ)	179,946	165,882	198.133	269,126	420,399	478,190
6	Tổng tài sản	253,630	243,175	262,720	407,061	914,669	1,405,537
7	Lãi cơ bản/CP (đồng)	7,483	2,524	11,598	15,514	21,318	13,531
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	28,3%	10,3%	39,8%	39%	38,8%	24,2%
9	Tỷ lệ trả Cổ tức/ Vốn ĐL	35%	35%	60%	60%	80%	NQ Đại hội 30%

Sản lượng đường sản xuất, doanh thu và lợi nhuận tăng qua các năm. Tuy nhiên, lợi nhuận năm 2014 giảm do diễn biến thị trường đường giảm giá. Tổng giá trị doanh nghiệp đến thời điểm 30/06/2018 tăng so với 2013 là

554,17% - trong đó: tài sản ngắn hạn tăng 512,42 %; tài sản dài hạn tăng 668,13%; nợ phải trả tăng 1.258,55 %; vốn chủ sở hữu 265,74%. Vốn điều lệ tăng 140%. Tài sản dài hạn tăng chủ yếu là giá trị của TSCĐ tăng do triển khai DA nâng công suất nhà máy.

Mặc dù, trong nhiệm kỳ nền kinh tế phải đối mặt với nhiều bất ổn như tỷ lệ lạm phát tăng, giá cả vật tư leo thang, chi phí vốn cao, khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn, hàng tồn kho cao, giá cả đường liên tục giảm. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì mức trả cổ tức cho Cổ đông qua các năm tối thiểu đã chi là 35% Vốn điều lệ, đặc biệt niên độ 17-18 Công ty chi cổ tức 80%/VĐL (Tỷ lệ cổ tức bình quân trong nhiệm kỳ các năm đã chi là 50%/VĐL).

2. Các báo cáo tài chính:

Công ty lập đầy đủ các báo cáo tài chính định kỳ, hàng quý, năm. Qua tổ chức thẩm định, Ban Kiểm soát nhận thấy:

- Báo cáo tài chính hàng năm đều được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập và được đánh giá Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12 và 30/06 phù hợp với các Chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

- Công ty đã xử lý theo đúng quy định về trình tự thủ tục đối với khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi và đã trích lập dự phòng đầy đủ.

- Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh với tài sản ngắn hạn từ năm 2013 đến 30/06/2016 đều lớn hơn trên 2 lần nợ ngắn hạn, riêng 2 thời điểm 30/06/2017 và 30/06/2018 có giảm là 1,66 lần và 1,16 lần. Công ty có khả năng đáp ứng về vốn đối với các hoạt động SXKD chính của Công ty trong nhiệm kỳ.

3. Tình hình đầu tư dự án:

Trong nhiệm kỳ Công ty tập trung các DA Nâng cấp dây chuyền chế biến đường công suất 2500 TM/ngày lên công suất 5000TM/ngày và dây chuyền đường RE. Đánh giá các DA đều đạt mục tiêu của DA và đầy đủ hồ sơ theo quy định: Công tác lựa chọn nhà thầu được tiến hành công khai minh bạch, việc nghiệm thu các hạng mục công trình được thực hiện khá kỹ lưỡng, việc thanh toán cho các nhà thầu được thực hiện theo đúng trình tự và thủ tục quy định của Hợp đồng. Hầu hết các gói thầu đều được bảo lãnh (bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, bảo lãnh bảo hành) để đảm bảo an toàn cho Chủ đầu tư.

III. KẾT LUẬN

Nhiệm kỳ qua, BKS được HĐQT, Ban TGD Công ty tạo điều kiện thực hiện đầy đủ quyền của BKS như: được cung cấp đầy đủ thông tin, tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành, xem hồ sơ tài liệu. Các ý kiến đóng góp, kiến nghị của Ban đều được HĐQT, TGD và các bộ phận của Công ty ghi

nhận và tiếp thu. Trên cơ sở đó, BKS đã hoàn thành nhiệm vụ theo luật định. Tại thời điểm kết thúc nhiệm kỳ, BKS cũng không còn công việc tồn đọng nào.

Trên đây là báo cáo hoạt động nhiệm kỳ 2013-2018 của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Kính chúc quý vị cổ đông, quý vị đại biểu dồi dào sức khỏe, chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN THỊ THỦY



CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Số: 01/TT-HĐQT/2018



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017-2018
(Bản tóm tắt)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Mía đường Sơn La;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán độc lập số 248/2018/BCKT-BDO ngày 10/9/2018 của Công ty TNHH Kiểm toán BDO về việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/6/2018 (năm tài chính 2017-2018) của Công ty cổ phần mía đường Sơn La.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2017-2018 (Bản tóm tắt) đã được Kiểm toán, với những nội dung cơ bản sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 -2018 (đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2017 thông qua):

- Tổng doanh thu : 798 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 55,8 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 55,5 tỷ đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức : 30%/VDL

2. Kết quả thực hiện năm 2017-2018

2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT: VND	
	Năm 2016-2017 (Từ 01/7/2016 – 30/6/2017)	Năm 2017-2018 (Từ 01/7/2017 – 30/6/2018)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	537.568.786.821	600.729.880.701
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	257.523.810	3.002.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	537.311.263.011	600.726.878.201
4. Giá vốn hàng bán	340.729.215.758	443.203.717.672
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	196.582.047.253	157.523.160.529

Chỉ tiêu	Năm 2016-2017 (Từ 01/7/2016 – 30/6/2017)	Năm 2017-2018 (Từ 01/7/2017 – 30/6/2018)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	7.518.552.865	17.221.969.434
7. Chi phí tài chính	15.808.469.054	36.296.401.521
8. Chi phí bán hàng	2.601.909.208	4.227.596.559
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.908.676.278	19.884.731.857
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	163.781.545.578	114.336.400.026
11. Thu nhập khác	3.436.525.420	4.592.398.454
12. Chi phí khác	3.568.927.066	2.994.407.259
13. Lợi nhuận khác	-132.401.646	1.597.991.195
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	163.649.143.932	115.934.391.221
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	575.297.421	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	163.073.846.511	115.934.391.221
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.318	13.531

2.2 Bảng cân đối kế toán tóm tắt:

ĐVT: VND

	30/6/2017	30/6/2018
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	914.669.466.956	1.405.537.016.123
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	539.713.543.794	775.304.783.819
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	22.645.337.844	696.847.076
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	299.135.192.190	326.255.251.594
IV. Hàng tồn kho	212.323.723.758	436.569.942.078
V. Tài sản ngắn hạn khác	5.609.290.002	11.782.743.071
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	374.955.923.162	630.232.232.304
I. Các khoản phải thu dài hạn		
II. Tài sản cố định	359.535.682.494	564.637.488.858
III. Tài sản dở dang dài hạn	12.323.405.215	63.334.076.780
IV. Đầu tư tài chính dài hạn		
V. Tài sản dài hạn khác	3.096.835.453	2.260.666.666
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	914.669.466.956	1.405.537.016.123
C. NỢ PHẢI TRẢ	494.269.955.860	927.346.782.806
I. Nợ ngắn hạn	324.244.196.252	665.864.961.213
II. Nợ dài hạn	170.025.759.608	261.481.821.593
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	420.399.511.096	478.190.233.317
I. Vốn chủ sở hữu	420.399.511.096	478.190.233.317



	30/6/2017	30/6/2018
1. Vốn góp của chủ sở hữu	81.599.830.000	97.919.450.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	3.998.638.028	3.998.638.028
3. Quỹ đầu tư phát triển	41.607.779.802	45.607.779.802
4. Quỹ khác thuộc vốn CSH	6.800.000.000	6.800.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	286.393.263.266	323.864.365.487
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		

Trên đây là bản tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2017-2018 (kỳ hoạt động từ 01/7/2017 đến 30/6/2018) của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đã được Kiểm toán, Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Đặng Việt Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02/Tr-HĐQT/2018

Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018



TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
Về việc: Phân phối lợi nhuận năm 2017-2018
(Từ 01/7/2017 – 30/6/2018)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Mía đường Sơn La;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán độc lập số 248/2018/BCKT-BĐ ngày 10/09/2018 của Công ty TNHH Kiểm toán BDO về việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/6/2018 (năm tài chính 2017-2018) của Công ty cổ phần mía đường Sơn La.

Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2017-2018, như sau:

I. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017-2018	115.934.391.221 đồng
II. Lợi nhuận sau thuế các năm trước để lại	: 207.929.974.266 đồng
III. Tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 30/6/2018	: 323.864.365.487 đồng
IV. Phân phối lợi nhuận năm 2017-2018	: 37.375.835.000 đồng
1. Dự kiến trích lập các quỹ năm 2017-2018	: 8.000.000.000 đồng
- Quỹ phúc lợi.	: 2.000.000.000 đồng
- Quỹ khen thưởng	5.000.000.000 đồng
- Quỹ khen thưởng quản lý, điều hành.	: 1.000.000.000 đồng
2. Chi trả cổ tức năm 2017-2018 (30%/VĐL)	: 29.375.835.000 đồng
V. Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối	: 286.488.530.487 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
ĐẶNG VIỆT ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Số: 03/TT-HĐQT/2018



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Về việc: Quyết toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2017-2018;
Dự toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2018-2019.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Mía đường Sơn La;
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán độc lập số 248/2018/BCKT-BDO ngày 10/09/2018 của Công ty TNHH Kiểm toán BDO về việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/6/2018 (năm tài chính 2017-2018) của Công ty cổ phần mía đường Sơn La.

Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 báo cáo quyết toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2017-2018 và Dự toán Chi phí hoạt động và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2018-2019, như sau:

I. Quyết toán chi phí hoạt động và thù lao HĐQT, BKS năm 2017-2018 với số tiền là: 949.805.969 đồng (Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm linh năm ngàn, chín trăm sáu mươi chín đồng).

Trong đó:

1. Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2017-2018 (công tác phí, giao dịch, tiếp khách...): 105.672.636 đồng.

2. Thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2017-2018: 844.133.333 đồng, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng	Mức thù lao/tháng (đồng)	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị				608.800.000
1	Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	12	15.000.000	180.000.000
2	Trần Ngọc Hiếu	Phó CT.HĐQT	12	12.000.000	144.000.000
3	Trần Thị Nhi	TV.HĐQT	12	8.000.000	96.000.000
4	Thái Văn Hùng	TV.HĐQT	12	8.000.000	96.000.000
5	Nguyễn Thắng	TV.HĐQT	2T+11N	8.000.000	18.933.333
6	Nguyễn Trường Chinh	TV.HĐQT	9T+7N	8.000.000	73.866.667

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng	Mức thù lao/tháng (đồng)	Tổng cộng
II	Ban Kiểm soát				187.333.333
1	Nguyễn Thị Thuý	Trưởng BKS	12	8.000.000	96.000.000
2	Nguyễn Minh Hùng	TV. BKS	2T+11N	4.000.000	9.466.667
3	Đặng Tuấn Thắng	TV. BKS	2	4.000.000	8.000.000
4	Nguyễn Văn Tài	TV. BKS	9T+7N	4.000.000	36.933.333
5	Nguyễn Văn Đãi	TV. BKS	9T+7N	4.000.000	36.933.333
III	Thư ký Công ty				48.000.000
1	Phan Thị Hồng Duyên	Thư ký	12	4.000.000	48.000.000
	Tổng cộng:				844.133.333
<i>Bảng chữ: (Tám trăm bốn mươi bốn triệu một trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).</i>					

II. Dự toán chi phí hoạt động và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 – 2018 với tổng kinh phí 1.852 triệu đồng (Một tỷ, tám trăm năm mươi hai triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 - 2019 dự kiến khoảng 01 tỷ đồng.

- Thù lao của HĐQT, BKS và thư ký Công ty: 852 triệu đồng. Mức thù lao hàng tháng của HĐQT, BKS và thư ký Công ty, cụ thể như sau:

1. Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch : 15 triệu đồng/tháng.
- Phó chủ tịch : 12 triệu đồng/tháng.
- Thành viên : 08 triệu đồng/người/tháng.

2. Ban kiểm soát:

- Trưởng ban : 08 triệu đồng/tháng.
- Thành viên : 04 triệu đồng/người/tháng.

3. Thư ký Công ty : 04 triệu đồng/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Đặng Việt Anh**



CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Số: 04/TH-HĐQT/2018



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Về việc: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2018-2019

(Từ ngày 01/7/2018 đến hết ngày 30/6/2019).

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La;
- Căn cứ nội dung các Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2017-2018 và phương hướng mục tiêu kế hoạch năm 2018-2019;
- Căn cứ điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty và dự báo diễn biến thị trường mía đường năm 2018-2019.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 xem xét, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2018-2019 của Công ty từ ngày 01/7/2018 đến hết ngày 30/6/2019, như sau:

- Tổng doanh thu : 900.653 triệu đồng.
- Tổng chi phí : 880.553 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 20.100 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế : 20.100 triệu đồng.
- Tỷ lệ chia cổ tức : 10%/VĐL.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
ĐẶNG VIỆT ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Số: 05/CPH-HDQT/2018



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Về việc: Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018-2019
(Từ ngày 01/7/2018 đến hết ngày 30/6/2019).

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Mía đường Sơn La.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2018-2019 (Từ ngày 01/7/2018 đến hết ngày 30/6/2019) của Công ty theo các điều kiện được quy định như sau:

- Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết được công bố hàng năm.
- Công ty kiểm toán trong nước và quốc tế có uy tín, khả năng, kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Đặng Việt Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Số: 06/ĐHĐQT/2018



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Về việc: Thông qua Điều lệ của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La sửa đổi bổ sung theo quy định của Thông tư 95/2017/TT- BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính Phủ.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 6 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính Phủ có quy định Bộ Tài chính hướng dẫn Điều lệ mẫu để Công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Điều lệ công ty;
- Căn cứ Khoản 3 Thông tư 95/2017/TT- BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính quy định Công ty Đại chúng tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục số 01 Thông tư này để xây dựng Điều lệ công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và quy định pháp luật hiện hành.

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La và Điều lệ mẫu tại Phụ lục số 01 Thông tư 95/2017/TT- BTC ngày 22/9/2017, Hội đồng quản trị Công ty đã Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La theo Phụ lục số 01 tại Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

Nội dung toàn văn bản dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo Điều lệ mẫu đã được đăng tải tại website của Công ty theo địa chỉ: <http://miaduongsonla.vn/top/tai-lieu-phuc-vu-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-2018.722.html>.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Đặng Việt Anh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
Về việc: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
 - Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
 - Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
 - Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
 - Căn cứ Thông tư 95/2017/TT- BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La
- Tại Điều 7 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính Phủ có quy định Hội đồng quản trị công ty có trách nhiệm xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị đã xây dựng bản Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Nội dung toàn văn dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được đăng tải tại website của Công ty theo địa chỉ: <http://miaduongsomla.vn/top/tai-lieu-phuc-vu-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-2018.722.html>.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty sẽ có hiệu lực áp dụng kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Đặng Việt Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN
MIA ĐUONG SON LA

Số: 08/TT-HĐQT/2018



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 25 tháng 9 năm 2018

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
Về việc: **HDQT, BKS đương nhiệm mãn nhiệm kỳ và tổng hợp danh sách ứng cử viên bầu HDQT, BKS nhiệm kỳ III giai đoạn 2018-2023.**

Kính thưa: Quý vị cổ đông

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ II giai đoạn 2013-2018 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua với nhiệm kỳ 5 năm đến nay đã hết nhiệm kỳ. Trong 5 năm qua Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ II đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

Nhằm đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc ứng cử, đề cử thành viên HDQT, BKS theo Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, Ban tổ chức Đại hội đã gửi quy định tham gia ứng cử, đề cử thành viên HDQT, BKS và các mẫu đơn tới các quý vị cổ đông. Đến thời điểm này, chúng tôi nhận được các đơn ứng cử, đề cử đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định HDQT, BKS như sau: (xếp theo vần ABC).

I. Danh sách ứng cử viên vào HDQT giai đoạn 2018-2023.

1. Ông/bà:
2. Ông/bà:
3. Ông/bà:
4. Ông/bà:
5. Ông/bà:

.....

II. Danh sách ứng cử viên vào BKS giai đoạn 2018-2023.

1. Ông/bà:
2. Ông/bà:
3. Ông/bà:

.....

Đoàn chủ tọa điều hành Đại hội trân trọng đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét quyết định các vấn đề sau trước khi tiến hành bầu cử:

1. Thống nhất thời gian của nhiệm kỳ III giai đoạn từ 2018-2023.
2. Thống nhất số lượng thành viên HDQT là 05 người; Số lượng thành viên BKS là 03 người.
3. Thống nhất thông qua danh sách ứng viên nêu trên.

Trân trọng kính trình Đại hội xem xét, chấp thuận./.

**CHỦ TỌA ĐOÀN
ĐẶNG VIỆT ANH**

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

(Dự thảo)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mai Sơn, ngày 25 tháng 9 năm 2018

**QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BKS NHIỆM KỲ III (2018 - 2023)
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018.**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La;
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) và thành viên Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ III (2018 – 2023) theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này bao gồm những quy định về bầu cử thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS

1. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT và thành viên BKS
 - 1.1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.
 - 1.2. Tiêu chuẩn thành viên BKS: Thành viên BKS phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - c) Thành viên BKS không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

2. Ứng cử, đề cử ứng viên đề bầu vào HĐQT, BKS

Các cổ đông có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền lựa chọn các ứng viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên HĐQT và thành viên BKS để đề cử cho Đại hội đồng cổ đông bầu theo điều kiện sau:

- a) Ứng cử, đề cử ứng viên đề bầu vào HĐQT: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 51% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 51% trở lên được đề cử đủ số ứng viên tối đa năm (05) ứng viên.
 - b) Ứng cử, đề cử ứng viên đề bầu vào BKS: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử đủ số ứng viên tối đa ba (03) ứng viên.
 - c) Trường hợp số lượng các ứng viên được thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS đương nhiệm đề cử tại Đại hội.
3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị, BKS được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

Điều 3. Đối tượng thực hiện bầu cử

1. Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Danh sách cổ đông sở hữu có quyền biểu quyết sẽ được xác định tại thời điểm chốt danh sách theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 4. Nguyên tắc chung về bầu cử

1. Nguyên tắc bầu cử: Bầu cử trực tiếp và bỏ phiếu kín.

2. Phương thức bầu cử
 - a) Việc bầu cử các thành viên HĐQT, thành viên BKS được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.
 - b) Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, một cổ phần sở hữu tương ứng với một quyền. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội.
 - c) Mỗi cổ đông tham dự Đại hội chỉ được sử dụng một phiếu bầu cử tương ứng với số cổ phần sở hữu.
 - d) Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần sở hữu và cổ phần được ủy quyền sở hữu) nhân (x) với số thành viên bầu bổ sung của HĐQT và BKS được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Cụ thể theo công thức sau:

$$\boxed{\text{Tổng số phiếu biểu quyết}} = \boxed{\text{Tổng số cổ phần (sở hữu + ủy quyền)}} \times \boxed{\text{Số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS}}$$

Ví dụ: Cổ đông có số quyền bầu cử tương ứng tổng số cổ phần sở hữu và đại diện ủy quyền là 1.000 cổ phần; Số lượng thành viên được bầu của HĐQT là 05 người; Theo đó, cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết cho nội dung này là $1.000 \times 5 = 5.000$ phiếu.

- e) Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng viên mà mình tín nhiệm.

Điều 5. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu cử được in thống nhất và có đóng dấu đỏ của Công ty do Ban kiểm phiếu phát ra.
2. Nội dung trên phiếu bầu cử thể hiện các nội dung sau:
 - a) Mã số phiếu bầu cử
 - b) Tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền của cổ đông; Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông.
 - c) Danh sách ứng cử thành viên HĐQT và thành viên BKS.
3. Danh sách ứng viên thành viên HĐQT, BKS được ghi đầy đủ họ và tên sắp xếp theo thứ tự A, B, C trên phiếu bầu.
4. Cổ đông đến làm thủ tục tham dự Đại hội sẽ được nhận phiếu bầu cử tại bàn đăng ký. Cổ đông phải tự mình kiểm tra lại đầy đủ các thông tin về số cổ phần sở hữu và được ủy quyền, tổng số phiếu biểu quyết.
5. Trường hợp người tham dự bầu cử là người đại diện theo ủy quyền (có giấy ủy quyền trình khi đăng ký tham dự Đại hội), người được ủy quyền có đầy đủ số phiếu bầu tương ứng với số cổ phần thuộc sở hữu của người ủy quyền.

6. Phiếu bầu cử không hợp lệ là các phiếu bầu thuộc một trong những trường hợp được nêu dưới đây:
 - a) Phiếu bầu không theo mẫu quy định và/hoặc không do Ban kiểm phiếu phát hành.
 - b) Phiếu bầu không còn nguyên vẹn, bị gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm thông tin khác, ghi thêm ký hiệu, ghi thêm tên ứng viên không thuộc danh sách ứng viên được Đại hội thông qua.
 - c) Phiếu bầu cử bầu quá số lượng thành viên HĐQT, BKS đã được Đại hội biểu quyết thông qua.
 - d) Phiếu bầu cử có tổng số phiếu biểu quyết cho những ứng viên được bầu vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông đó sở hữu và/hoặc được ủy quyền.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu có 3 người do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua.
2. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm phổ biến thể lệ bầu cử để Chủ tọa đoàn xin ý kiến thông qua của Đại hội; Giới thiệu và hướng dẫn cách sử dụng phiếu bầu cử; Tiến hành phát phiếu, thu phiếu và kiểm phiếu bầu; Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
3. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử viên vào HĐQT, BKS.
4. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu
 - a) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu tại nơi tiến hành Đại hội.
 - b) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
 - c) Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 7. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS

1. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên đã được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Trường hợp có nhiều ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau và số lượng trúng cử vượt quá số lượng cần bầu thì ứng viên nào sở hữu nhiều cổ phần hơn (không tính số cổ phần được ủy quyền) sẽ được chọn. Trường hợp số cổ phần sở hữu ngang nhau thì tiến hành bầu lần thứ hai đối với những ứng cử viên này để lựa chọn. Nếu bầu lần thứ hai vẫn bằng nhau thì việc có tiếp tục bầu nữa hay không sẽ do Đại hội quyết định.

Điều 8. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu và phải được công bố trước Đại hội.
2. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham dự Đại hội; Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu); Số và tỷ lệ phiếu bầu cử hợp lệ, không hợp lệ, phiếu trắng; Số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng viên vào HĐQT, BKS.

Điều 9. Khiếu nại

1. Tất cả những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này gồm 9 (chín) điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua./.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐOÀN**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Mía đường Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT/2018 ngày 29/3/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Mía đường Sơn La;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày .../9/2018 của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La theo quy định tại Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Điều 2. Tổng giám đốc, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng 9 năm 2018 và thay thế Quyết định số 13/QĐ-HĐQT/2018 ngày 29/3/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Mía đường Sơn La./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- HĐQT, Ban KS;
- Lưu: TCHC; HSPL.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đặng Việt Anh



I.	ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	2
	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
II.	TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	2
	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	
III.	MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
IV.	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	6
	Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	7
	Điều 10. Thu hồi cổ phần	7
V.	CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
VI.	CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
	Điều 12. Quyền của cổ đông	8
	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	9
	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	9
	Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
	Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	12
	Điều 17. Thay đổi các quyền	13
	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	13
	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	14
	Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	15
	Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	15
	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
	Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	19

	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	191
VII.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	20
	Điều 25. Ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	202
	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	22
	Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Hội đồng quản trị	
	Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	24
	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	24
	Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị	
	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	
VIII.	TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	25
	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	28
	Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	28
	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	29
IX.	BAN KIỂM SOÁT	30
	Điều 36. Ứng cử, đề cử kiểm soát viên	30
	Điều 37. Kiểm soát viên	
	Điều 38. Ban kiểm soát	
X.	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
	Điều 39. Trách nhiệm cần trọng	
	Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
	Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	
XI.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	32
	Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	
	Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	
XIII.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	32
	Điều 44. Phân phối lợi nhuận	
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	
	Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	
	Điều 46. Năm tài chính.....	
	Điều 47. Chế độ kế toán	

- XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý
Điều 49. Báo cáo thường niên.....
- XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....
Điều 50. Kiểm toán.....
- XVII. CON DẤU.....
Điều 51. Con dấu.....
- XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....
Điều 54. Thanh lý.....
- XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....
- XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....
Điều 56. Điều lệ công ty.....
- XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....
Điều 57. Ngày hiệu lực.....

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội tổ chức vào ngày tháng 9 năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - g. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - h. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
 - Tên tiếng Anh: Son La Sugar Joint Stock Company.
 - Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
 - Tên giao dịch viết tắt: SLS.
- Logo:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ : Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
- Điện thoại : 0212.3843274.
- Fax : 0212.3843406.
- Email : sls.miaduongsonla@gmail.com.
- Website : <http://www.miaduongsonla.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

a. Người đại diện theo pháp luật, đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ nói trên.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến

khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất đường Chi tiết: Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường;	1072 (chính)
2	Trồng cây mía;	0114
3	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;	0163
4	Hoạt động dịch vụ trồng trọt;	0161
5	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;	0130
6	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	1080
7	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
8	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;	2012
9	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;	2512
10	Sửa chữa thiết bị điện;	3314
11	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;	3320
12	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);	4312
13	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;	4322
14	Sửa chữa máy móc thiết bị;	3312
15	Phá dỡ;	4311
16	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
17	Hoàn thiện công trình xây dựng;	4330
18	Bán buôn đồ thực phẩm; Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;	4632
19	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;	3311
20	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;	3510

STT	Tên ngành	Mã ngành
21	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;	4653
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;	4659
23	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;	4663
24	Xây dựng nhà các loại;	4100
25	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động; các loại cửa tự động; hệ thống đèn chiếu sáng; hệ thống hút bụi;	4329
26	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;	4661
27	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
28	Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh: Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;	477
29	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;	4620
30	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn cón, mật - Kinh doanh mía giống, mía nguyên liệu	4669
31	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
32	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
33	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Làm kênh mương nội đồng và giao thông vùng nguyên liệu mía.	4290

2. Mục tiêu của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh đường và các lĩnh vực khác nhằm phục vụ lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và thu nhập hợp lý cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước để Công ty luôn ổn định và phát triển.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn Điều lệ của Công ty là: 97.919.450.000 đồng (Chín mươi bảy tỷ chín trăm mười chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 9.791.945 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm: cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty không có cổ đông sáng lập.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán. Việc thừa kế cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là (07) bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất cho vay của Vietinbank Sơn La vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.
- d. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129, Luật Doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, Điểm e, Khoản 3, Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết;

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện.
 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
 4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c, Khoản 4, Điều 14, Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

g. Các công việc khác phục vụ đại hội

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong

Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông:

- a. Định hướng phát triển công ty;
- b. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- c. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Trừ các vấn đề phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo quy định tại khoản 1 điều này, các vấn đề khác được Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng một trong các hình thức như: Biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức khác:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này .

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

d. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của công ty.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước thời hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 18 Điều lệ này;
 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;
 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
 5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán

thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty;

2. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản

về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT từ ba (03) người đến mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên HĐQT trong từng thời kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT.

2. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Có Đơn từ chức (bản gốc hoặc gửi qua fax hoặc email).

- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác.
 - e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - f. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - g. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - h. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

- k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - m. Ban hành các quy chế quản lý nội bộ Công ty.
 - n. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông.
 - o. Quyết định việc đầu tư hoặc bán tài sản, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị hoặc tỷ lệ cụ thể được quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của công ty do Hội đồng quản trị ban hành (trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông);
 - p. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.
 - q. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - r. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - g. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h. Việc công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - j. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Kể từ ngày 01/8/2020 Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn

phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức..

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những điều hành doanh nghiệp khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc, ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, và lợi ích khác. Thông tin về mức lương, thù lao và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo các quy chế quản lý nội bộ Công ty do HĐQT ban hành;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Chậm nhất 30 ngày trước ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển

tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc

chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm trước và kết thúc vào ngày 30 của tháng 06 năm sau liền kề.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay

mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 nhất trí thông qua ngày ... tháng 9 năm 2018 tại Công ty cổ phần mía đường Sơn La, Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La – Hà Nội, thị trấn Hát Lót, Mai Sơn, Sơn La và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh Sơn La;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Đặng Việt Anh